

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Thời gian: Ngày 26/06/2020 (từ 8h00-11h00)

Địa điểm: Phòng họp Champagne A, Tầng 1, Khách sạn Novotel SaiGon,
Số 167 Hai Bà Trưng, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Stt	Nội dung làm việc
I. ĐÓN TIẾP ĐẠI BIỂU (08h00 - 08h30)	
	<ul style="list-style-type: none">- Tiếp đón Đại biểu và Cổ đông tham dự.- Kiểm tra tư cách Cổ đông, đăng ký tham dự Đại hội.- Phát tài liệu và phiếu biểu quyết cho Cổ đông.
II. KHAI MẠC ĐẠI HỘI (08h30 - 08h45)	
	<ul style="list-style-type: none">- Khai mạc Đại hội và giới thiệu thành phần tham dự.- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự.- Giới thiệu và thông qua danh sách Chủ tọa đại hội, Thư ký, Ban kiểm phiếu- Thông qua chương trình Đại hội
III. NỘI DUNG ĐẠI HỘI (08h45 - 10h30)	
1	Báo cáo hoạt động SXKD năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020 của Giám đốc
2	Báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động 2020 của HĐQT
3	Báo cáo kết quả hoạt động SXKD và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019
4	Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020
5	Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019
6	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát
7	Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2020
8	Tờ trình thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch thù lao năm 2020
9	Tờ trình ủy quyền ký kết các hợp đồng, giao dịch với các bên có quyền và lợi ích liên quan thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ
10	Tờ trình bầu thay thế thành viên HĐQT
11	Tờ trình bầu thay thế Kiểm soát viên
12	Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ
IV. TỔNG KẾT ĐẠI HỘI (10h30 – 10h55)	
1	Thông qua kết quả kiểm phiếu của Đại hội.
2	Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội.
V. BẾ MẠC ĐẠI HỘI (10h55 – 11h)	

Dự thảo

BÁO CÁO THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Giám đốc Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (Pacific) xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty như sau:

I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SXKD NĂM 2019

1. Đặc điểm tình hình

Năm 2019 là một năm thị trường vận tải dầu thô có nhiều biến động bất ngờ và ngoài dự báo của hầu hết các chủ tàu, người thuê tàu hay các tổ chức tài chính. Trong 09 tháng đầu năm thị trường vận tải dầu thô tương đối trầm lắng, cuối tháng 9, sau khi Mỹ công bố lệnh trừng phạt cấm vận đối với CST (Cosco Dai Lien) công ty con CEST (COSCO Energy Transportation) cùng với tác động của các sự kiện:

- Tác động của công ước IMO2020 chính thức có hiệu lực từ 01/01/2020 dẫn đến nhiều tàu dừng hoạt động để lắp đặt Scrubber Restro fit lọc khí thải làm gián đoạn/giảm nguồn cung tàu trên thị trường.

- Lệnh cấm vận của Mỹ tiếp tục từ năm 2018 làm giảm trừ lượng tàu tham gia thị trường vận chuyển dầu thô đối với đội tàu của Iran (NITC fleet: 38 VLCC, 8 Suez, 05 Afra) và Venesuela;

- Mỹ trở thành nhà khai thác và xuất khẩu dầu khí lớn nhất, nhiều nước chuyển qua nhập khẩu dầu thô và khí đốt của Mỹ thay thế cho nguồn dầu từ Iran và Venezuela làm tăng nhu cầu sử dụng tàu do cung đường vận chuyển xa hơn; đã ảnh hưởng khiến thị trường vận chuyển dầu thô rơi vào trạng thái hoảng loạn, giá cước vận chuyển của phân khúc tàu VLCC đã tăng vọt lên đỉnh điểm **300 điểm với TCE khoảng 200.000 USD/ngày** tăng tới 7 lần so với giai đoạn 9th 2019, sau đó đã kéo theo giá cước phân khúc tàu Suezmax và Aframax tăng cao. Hiện nay (T12) mặc dù đã giảm nhiệt nhưng cước vẫn ở mức cao, tuyến AG-EAST đối với tàu VLCC duy trì cước **TCE 65.000-100.000 USD/ngày**, tàu Aframax cước **TCE 40.000-50.000 USD/ngày**.

Đối với thị trường vận tải dầu thô trong nước năm 2019, NMLD Dung Quất (BSR) vận hành ở mức 107% công suất với sản lượng tương đương khoảng 6,6 triệu tấn, đảm bảo duy trì 100% thị phần vận tải dầu thô trong nước.

Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn hoạt động ổn định, PV Trans Pacific đã hợp tác với SK Shipping cung cấp 08 chuyến tàu VLCC cho NMLD Nghi Sơn (NSRP) đem lại hiệu quả kinh doanh, tích lũy kinh nghiệm và từng bước xây dựng thương hiệu của Công ty trên thị trường thuê/cho thuê tàu VLCC.

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

2.1. Hoạt động kinh doanh vận tải dầu thô

Trong năm 2019, các tàu dầu thô PVTrans Pacific đã hoạt động liên tục, an toàn và hiệu quả, Công ty đã duy trì 100% thị phần vận tải dầu thô trong nước, đồng thời chủ động đưa tàu PVT Athena ra khai thác tại thị trường quốc tế từ cuối năm 2018. Tàu Apollo đầu tư từ cuối tháng 6/2019 và được đưa vào khai thác quốc tế theo hợp đồng cho thuê định hạn ngay sau khi nhận bàn giao, tàu khai thác đảm bảo hiệu quả tốt so với dự án đầu tư.

Trong năm, để thay thế tàu PVT Athena hoạt động khai thác trên thị trường quốc tế, Pacific đã thuê 10 lượt tàu ngoài vận chuyển 15 lô dầu tàu chuyên của BSR, bảo đảm tuyệt đối an toàn và có hiệu quả.

Đối với vận chuyển dầu thô bằng tàu VLCC, với năng lực và kinh nghiệm của mình, Pacific đã tham gia chào tàu vận chuyển thành công 08 chuyến hàng từ Trung Đông về NMLD Nghi Sơn, đồng thời tiếp tục phát triển mối quan hệ với các chủ tàu (VLCC và Aframax) trong khu vực và trên thế giới, từng bước xây dựng thương hiệu trên thị trường, được cả Chủ tàu và Người thuê tàu tin tưởng và đánh giá tốt.

Với sự nỗ lực và tinh thần chủ động cao trong công việc cùng với điều kiện thị trường thuận lợi đã hỗ trợ tích cực kết quả khai thác đội tàu dầu thô, các tàu đã được bố trí hợp lý và khai thác liên tục, xen kẽ giữa các chuyến hàng luôn có thời gian để sửa chữa bảo dưỡng và cấp nhiên liệu giúp tiết kiệm chi phí.

Đối với hoạt động vận chuyển dầu thô bằng tàu VLCC, PVTrans Pacific đã chủ động hợp tác với các chủ tàu VLCC như SK Shipping, Maran Shipping và các broker như SSY, Howe Robinson, MC Quilling để thực hiện vận chuyển dầu thô từ Kuwait về cho NMLHD Nghi Sơn, đến nay đã thực hiện thành công 08 chuyến tàu VLCC từ Kuwait-Nghi Sơn trong năm 2019 trên tổng số 19 chuyến dầu thô nhập khẩu phục vụ hoạt động của nhà máy.

2.2 Khai thác tàu/kho chứa nổi FSO Dai Hung Queen: Trong năm 2019, Công ty phối hợp chặt chẽ với Công ty PVTrans OFS đảm bảo thời gian uptime của tàu đạt 100% số ngày hoạt động, đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

2.3 Dịch vụ thương mại và phát triển thị trường

Đối với thị trường tàu chở dầu thô Aframax: Pacific tiếp tục nâng cao chất lượng và giữ vững 100% thị phần vận tải nội địa cho BSR. Đồng thời mở rộng thị trường quốc tế bằng việc đưa 02 tàu PVT Athena và Apollo tham gia khai thác quốc tế và chuẩn bị sẵn sàng các phương án khai thác tàu dầu thô trên thị trường quốc tế trong năm 2020.

Ngoài ra Công ty còn thành công trong việc mở rộng thêm hoạt động thuê tàu Aframax trên thị trường quốc tế để vận chuyển 03 chuyến cho khách hàng quốc tế như Shell, PTT, Concord mang lại thêm doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Đối với thị trường tàu chở dầu thô VLCC: Tiếp tục liên kết với SK Shipping cung cấp tàu VLCC vận chuyển 08 chuyến hàng cho NMLD Nghi Sơn, đồng thời tiếp tục tìm kiếm cơ hội hợp tác với các chủ tàu khác để nâng cao khả năng và cơ hội cung cấp tàu cho NMLD Nghi Sơn cũng như các khách hàng khác trên thị trường.

Bên cạnh công tác khai thác tàu Aframax và VLCC, Pacific tiếp tục tìm kiếm các cơ hội để phát triển kinh doanh các mảng dịch vụ khác thông qua tham gia hội nghị của các chủ dầu, chủ hàng, trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị quản lý điều hành các mỏ/cảng, các đơn vị quản lý tàu, các nhà cung cấp

3. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD trong năm 2019

Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2019 với các chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ (%) TH/KH
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.450,00	1.691,22	117%
-	Dịch vụ vận tải, FSO và dịch vụ khác	Tỷ đồng	1.389,20	1.601,95	115%
-	Từ hoạt động tài chính và khác	Tỷ đồng	60,80	89,27	147%
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	1.300,00	1.503,50	116%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	150,00	188,67	126%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	120,10	150,77	126%
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	59,50	93,65	157%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /VĐL	%	13%	16%	123%

4. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Công ty đã hoàn thành việc đầu tư 01 tàu Aframax vào cuối tháng 6/2019 và đã được đưa vào khai thác quốc tế theo hợp đồng cho thuê định hạn ngay sau khi nhận bàn giao, tàu khai thác đạt hiệu quả tốt so với dự án đầu tư, mang lại doanh thu ổn định cho Công ty.

Đối với dự án đầu tư mua tàu VLCC, Pacific đang tiếp tục hoàn thiện các thủ tục để đầu tư tham gia vận tải dầu thô trên thị trường quốc tế và vận chuyển cho NMLD Nghi Sơn.

5. Công tác tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị/quản lý doanh nghiệp

Pacific đã và đang hoạt động theo hình thức tổ chức quản lý kinh doanh gọn nhẹ phù hợp với điều kiện cạnh tranh của thị trường. Tập trung theo hướng nâng cao sức cạnh tranh để bảo vệ giữ vững thị trường nội địa và mở rộng hoạt động trên thị trường quốc tế thông qua giải pháp phát triển và trẻ hóa phát triển đội tàu dầu thô, đào tạo và nâng cao đội ngũ kinh doanh khai thác tàu.

Về trẻ hóa và phát triển đội tàu dầu thô: Tích cực làm việc với các bên liên quan để đầu tư tàu VLCC và tàu Aframax tham gia mở rộng và vận tải quốc tế và vận tải dầu thô cho NMLD Nghi Sơn, BSR. Trong đó chú trọng phương án đầu tư tái cấu trúc tàu dầu thô đã già và kém cạnh tranh so với mặt bằng của các tàu dầu thô quốc tế bằng các tàu trẻ hơn, có chi phí đầu tư hợp lý trong giai đoạn thị trường mua bán tàu dầu thô thuận lợi.

Trong năm 2019, Pacific tiếp tục triển khai mạnh mẽ công tác quản trị và quản lý tài đơn vị nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu quản lý doanh nghiệp.

6. Đánh giá kết quả đạt được:

Năm 2019, với các yếu tố thuận lợi và khó khăn của thị trường, với sự nỗ lực, quyết tâm, đoàn kết, nhất trí cao trong toàn thể Ban Lãnh đạo và CBCNV trong Công ty và sự hỗ trợ và chỉ đạo sát sao và kịp thời của PV Trans và Hội đồng quản trị, Pacific đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã đề ra, cụ thể:

- Hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019 với chỉ tiêu doanh thu hoàn thành 117% kế hoạch năm, Lợi nhuận sau thuế đạt 125% kế hoạch lợi nhuận được giao;

- Khai thác an toàn, liên tục và hiệu quả 2 tàu Apollo và PVT Athena trên thị trường quốc tế. Đồng thời mở rộng thêm hoạt động thuê chò cho thuê tàu Aframax trên thị trường quốc tế;

- Thực hiện cung cấp 08 chuyến tàu vận chuyển dầu thô từ Kuwait về cho NMLHD Nghi Sơn trong năm 2019 trong tổng số 19 chuyến dầu thô Pacific thực hiện.

- Thực hiện tốt dịch vụ Quản lý khai thác các tàu dầu thô cho PVTrans, hoàn thành chỉ tiêu khai thác tàu dầu thô theo qui định của hợp đồng với PVTrans;

- Đã xây dựng được bộ máy tổ chức quản lý gọn nhẹ, nội bộ đoàn kết. Nâng cao trách nhiệm của lãnh đạo và người lao động, gắn liền quyền lợi được hưởng với kết quả thực hiện;

Bên cạnh những kết quả đạt được, Pacific vẫn còn có những tồn tại khó khăn cần tiếp tục nỗ lực cố gắng khắc phục:

- Chưa mạnh dạn đầu tư trong thời điểm thị trường mua bán tàu thuận lợi nhất nên lỡ cơ hội đầu tư mua tàu VLCC với giá tốt nhất;

- Chưa có giải pháp đột phá phát triển thêm dịch vụ mới, mở mang thị trường mới trong sản xuất kinh doanh;

- Công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển lực lượng nhân sự có chuyên môn cao trong lĩnh vực khai thác, quản lý tàu còn ít, lớp nhân sự kế thừa có đủ trình độ và khả năng đáp ứng được yêu cầu công việc sự còn mỏng.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Thị trường vận tải dầu thô quốc tế:

Trong những tháng đầu năm 2020, giá dầu thô trên thị trường quốc tế liên tục giảm sâu và duy trì ở mức thấp trước diễn biến khó lường của đại dịch Covid-19 và nguy cơ suy thoái kinh tế, nhu cầu sử dụng nhiên liệu trên toàn thế giới (sụt giảm khoảng 30 triệu thùng dầu/ngày) so với cùng kỳ năm 2019 gây ra cú sốc về giá dầu thô khi có thời điểm giá dầu thô WTI xuống dưới mức âm.

Dự báo tình hình địa chính trị Khu vực Trung Đông, xung đột giữa Mỹ - Iran và hiện tại là Mỹ và Venezuela sẽ tiếp tục căng thẳng. An toàn hàng hải tại nhiều khu vực

vẫn tiềm ẩn rủi ro cao. Mỹ - Trung Quốc sau khi đạt được những thỏa thuận thương mại ban đầu lại phát sinh mâu thuẫn do dịch Covid 19 trừng phạt/trả đũa nhau sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới kinh tế thế giới nói chung và thị trường vận tải nói riêng .

Nguy cơ Đại khủng hoảng kinh tế toàn cầu ngày càng cao do Suy thoái kinh tế và giảm phát sâu tại một số nền kinh tế lớn như Trung Quốc, Mỹ, Nhật và Eurozone cùng với tồn kho các sản phẩm dầu tăng hàng ngày tại các NMLD tại Trung Quốc sắp đạt đến ngưỡng giới hạn lưu trữ (Tank Top), khoảng 18 NMLD trong tổng số 40 NMLD cắt giảm CS chế biến từ 15-20%, thậm chí tạm dừng hoạt động hoàn toàn (Bloomberg), hàng hoạt lô dầu (khoảng 15%) của các Công ty dầu khí trong đó có Unipet hủy mua hoặc hoãn giao nhận trong thời gian vừa qua, trong đó có các lô dầu mua tại các mỏ tại Việt Nam.

Cùng với diễn biến khủng hoảng giá dầu giảm sâu và suy thoái kinh tế do ảnh hưởng của dịch Covid19 diễn ra, nhu cầu thuê tàu chở dầu thô để vừa vận chuyển và làm kho chứa tích trữ, đầu cơ đã đẩy giá thuê/cho thuê tàu dầu thô tăng cao kỷ lục. Tuy nhiên từ tháng 5/2020 thị trường tàu dầu thô bắt đầu giảm mạnh do ảnh hưởng thỏa thuận của OPEC+ và Nga thống nhất cắt giảm sản lượng 11 – 14 triệu thùng dầu/ngày bắt đầu có hiệu lực từ 01/05/2020 cùng với tình hình kinh tế ảm đạm và các NMLD, Oil traders đang giải phóng các tàu chứa làm tăng lượng lớn cung tàu ra thị trường kéo theo giá thuê/cho thuê tàu dầu thô hạn nhiệt giảm, cụ thể TCE tàu Aframax từ mức 84k\$/ngày vào 24/04 giảm còn dưới 20k\$/ngày vào thời điểm hiện tại, TCE tàu VLCC giảm từ mức 279k\$/ngày vào 13/03 xuống còn dưới 50k\$/ngày và dự báo sẽ tiếp tục giảm trong những tháng cuối năm.

Công ước quốc tế về quản lý khí thải đối với nhiên liệu hàng hải (IMO 2020) có hiệu lực từ 01/01/2020 làm tăng chi phí khai thác rất lớn cho chủ tàu.

1.2. Thị trường vận tải dầu thô trong nước:

Theo kế hoạch vận hành NMLD Dung Quất năm 2020, BSR sẽ tiếp tục vận hành NMLD tối đa công suất, ngoại trừ thời gian dừng để bảo dưỡng tổng thể lần 4 (dự kiến 51 ngày trong tháng 6 – tháng 7/2020). Ngoài ra, do khó khăn trong việc mua dầu trong nước nên BSR phải tăng nhập khẩu từ nước ngoài. Ước tính nhu cầu vận chuyển trong nước năm 2020 chỉ khoảng 29,5 triệu thùng dầu, tương đương khoảng 49 chuyến tàu/năm và 4 – 5 chuyến/tháng.

Trong năm 2020, Pacific sẽ tiếp tục hợp tác với SK Shipping/một số đối tác khác hoặc sử dụng tàu VLCC do Pacific đầu tư tham gia vận chuyển dầu thô nhập khẩu cho NMLD Nghi Sơn. Ngoài ra, Pacific chuyển qua tham gia cung cấp tàu VLCC cho NSRP với vai trò làm một trong những broker.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm năm 2020

Thực hiện tốt hợp đồng ủy thác quản lý khai thác 2020: là đầu mối chủ trì và phối hợp với Tổng công ty PVTrans tham gia đấu thầu/dàm phán hợp đồng vận chuyển dầu thô năm 2020 với Công ty CP lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR), đảm bảo tổ chức vận chuyển an toàn, kịp thời các lô dầu thô từ các mỏ trong nước về NMLD Dung Quất theo qui định của hợp đồng

Tổ chức khai thác tàu đội dầu thô Aframax trên thị trường quốc tế đảm bảo an toàn, hiệu quả, không phát sinh công nợ khó đòi.

Phối hợp chặt chẽ với Tổng công ty PVTrans trong việc đàm phán gia hạn Hợp đồng cho thuê FSO PVN Dai Hung Queen, đồng thời đàm phán gia hạn Hợp đồng thuê tàu trần với Tổng công ty PVTrans.

Bám sát nhu cầu thuê tàu vận chuyển của Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn và khách hàng khác để cung cấp tàu VLCC theo các hình thức phù hợp, đảm bảo tỉ lệ tham gia không thấp hơn 25% tổng số chuyến tàu vận chuyển theo hình thức hợp đồng TC/COA/CVC làm cơ sở để thực hiện đầu tư 01 tàu VLCC trong năm 2020 và khai thác có hiệu quả, ổn định.

Thực hiện tăng vốn điều lệ trong năm 2020 (nếu có) theo đúng quy định của pháp luật và của Công ty, đảm bảo sử dụng nguồn vốn tăng thêm hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

Tổ chức bán thanh lý tàu PVT Athena phù hợp với tiến độ, đảm bảo hiệu quả sử dụng, khai thác tài sản. Tiến hành song song các thủ tục đầu tư mua 01 tàu Aframax thay thế tàu PVT Athena để duy trì thị phần và quy mô hoạt động của công ty.

Tăng cường công tác giám sát quản lý kỹ thuật tàu, quản lý chặt chẽ tiêu hao nhiên liệu, tốc độ, tiết giảm tối đa chi phí vận hành đội tàu dầu thô của Pacific và các tàu dầu thô của Tổng công ty PVTrans được ủy thác quản lý khai thác.

Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, điều hành của Công ty theo hướng gọn nhẹ, chuyên nghiệp, hiệu quả. Chú trọng nâng cao năng lực nhân sự vận hành, kinh doanh khai thác tàu dầu thô Aframax và tàu VLCC. Xây dựng cơ chế lương/thưởng phù hợp, linh hoạt đảm bảo công bằng và thu hút nhân sự giỏi cho Công ty. Cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.

Tăng cường công tác kiểm tra/kiểm soát, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, tăng cường đẩy nhanh thu hồi công nợ phải thu, đảm bảo không để phát sinh nợ khó đòi, nợ xấu.

Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội do Tập đoàn dầu khí và Tổng công ty CP Vận tải dầu khí phát động. Tiếp tục hoàn thiện việc tài trợ xây dựng trường THCS xã Thanh Giang, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An với tổng giá trị tài trợ không vượt quá 5 tỷ đồng.

3. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh đã đạt được trong năm 2019, dự báo tình hình thị trường và các nhiệm vụ trọng tâm của năm 2020, các chỉ tiêu chính kế hoạch SXKD và đầu tư trong năm 2020 của Pacific như sau:

3.1 Các chỉ tiêu tài chính

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.650,00
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	1.440,00
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	210,00
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	167,90
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	22,00

3.2 Kế hoạch đầu tư:

- **Dự án đầu tư tàu chở dầu thô loại Aframax:** cơ cấu nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn vay (tối đa 70% giá mua tàu) và Vốn chủ sở hữu (khoảng 30%), triển khai đầu tư tàu vào thời điểm thích hợp, dự kiến trong Q3/2020.

- **Dự án đầu tư tàu chở dầu thô loại VLCC:** cơ cấu cơ cấu nguồn vốn đầu tư: từ nguồn vay (tối đa 70% giá mua tàu) và Vốn chủ sở hữu (khoảng 30%), triển khai đầu tư tàu vào thời điểm thích hợp, dự kiến trong Q4/2020.

4. Các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2020

4.1 Giải pháp kinh doanh, thị trường:

- Tăng cường công tác đào tạo và đào tạo nội bộ để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu khai thác ngày càng sâu rộng tại thị trường trong nước và quốc tế.

- Chú trọng giữ vững mối quan hệ với các khách hàng lớn, khách hàng truyền thống; đồng thời phát triển thêm các khách hàng mới, bao gồm cả các khách hàng tại thị trường khách.

- Tiếp tục hợp tác với các nhà môi giới, các chủ tàu, các đối tác nước ngoài có uy tín để mở rộng thị trường vận tải quốc tế nhằm đảm bảo hiệu quả thực hiện việc cho thuê tàu (charter out)/ thuê tàu từ thị trường bên ngoài (charter in).

4.2 Giải pháp đầu tư:

- Do biến động của thị trường trong các tháng đầu năm, nhu cầu thuê tàu tăng nóng kéo theo giá mua bán tàu qua sử dụng và đóng mới tăng cao từ 20%-40% dẫn tới thời điểm đầu tư cần phải xem xét thận trọng để giảm thiểu rủi ro do chi phí đầu tư tăng, khó khăn cho khai thác trong dài hạn. Do vậy trước mắt Pacific chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng về thủ tục đầu tư và nguồn vốn đối với cả 2 dự án VLCC & Aframax.

- Xây dựng các phương án đầu tư và kinh doanh để chuẩn bị cho các cơ hội kinh doanh vận chuyển dầu nhập khẩu cho NMLD Nghi Sơn cũng như NMLD Dung Quất giai đoạn mở rộng.

- Xây dựng phương án tăng Vốn điều lệ để đảm bảo nguồn vốn đầu tư. Pacific sẽ báo cáo cụ thể với ĐHĐCĐ/HĐQT về phương án tăng vốn điều lệ và triển khai thực hiện khi có điều kiện thuận lợi về thị trường (kinh doanh và đầu tư), về tài chính.

4.3 Giải pháp quản lý:

- Nâng cao năng lực quản lý kỹ thuật tàu, phối hợp, kiểm tra giám sát chặt chẽ đơn vị quản lý kỹ thuật tàu thuê ngoài, đảm bảo các điều kiện kỹ thuật an toàn của đội tàu, đáp ứng sẵn sàng cho nhu cầu khai thác đội tàu trong nước và quốc tế.

- Quản lý chặt chẽ định mức tiêu hao nhiên liệu, định mức hao hụt hàng hóa, định mức ngân sách phụ tùng, vật tư của đội tàu, chi phí khai thác và sửa chữa tàu, chi phí quản lý nhằm góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tăng cường rà soát và hoàn chỉnh các quy trình quy trình khai thác tàu, kỹ thuật bảo dưỡng, vận hành tàu nhằm mục đích tiết kiệm chi phí ngày tàu. Tiếp tục thực hiện tốt chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tất cả các hoạt động của Công ty,

- Tiếp tục tiến hành kiểm tra, đánh giá xem xét việc tuân thủ áp dụng các quy chế, quy trình đã được ban hành và triển khai xây dựng các quy chế, quy trình quản lý còn thiếu, nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu quản lý doanh nghiệp.

4.4 Giải pháp tài chính

- Tăng cường công tác quản lý tài chính, tiếp tục rà soát, ban hành các quy chế quy định về quản lý tài chính, kế toán tại đơn vị. Tổ chức theo dõi chặt chẽ công nợ, thu hồi nhanh chóng và kịp thời, quyết liệt không để xảy ra tình trạng tồn đọng công nợ.

- Chủ động làm việc với các tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài để thu xếp phần vốn vay cho các dự án đầu tư với chi phí vốn hợp lý để dự án có hiệu quả và cạnh tranh khi khai thác tàu.

- Làm việc với các tổ chức tài chính để triển khai các dự án đầu tư thông qua hình thức thuê mua.

4.5 Giải pháp nhân sự, lao động:

- Xây dựng và cải tiến phương pháp/cơ chế đánh giá hiệu quả thực hiện công việc/thành tích của người lao động, thu nhập của người lao động phải gắn liền với kết quả làm việc trong thực tế.

- Chú trọng tuyển dụng, đào tạo nhân sự liên quan đến công tác Operations và Chartering để bổ sung nguồn nhân sự cho hoạt động quản lý khai thác đội tàu, đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản lý và mở rộng hoạt động SXKD của Pacific.

- Tiếp tục duy trì đối thoại giữa người lao động và người sử dụng lao động nhằm thực hiện tốt hơn các chính sách, chế độ cho người lao động.

Thay mặt Ban Giám Đốc, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn về sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng Quản trị đã hỗ trợ kịp thời cho Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, xin cảm ơn sự hỗ trợ và chỉ đạo của Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí và sự chia sẻ của Quý Cổ đông đối với Công ty trong thời gian qua và mong được tiếp tục nhận được sự ủng hộ đó trong thời gian tới.

Xin kính chúc Quý vị Cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Xin trân trọng cảm ơn.

GIÁM ĐỐC

Lê Mạnh Tuấn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2020

Dự thảo

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2019
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP VTĐK THÁI BÌNH DƯƠNG**

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2019:

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị hiện tại của công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (PV Trans Pacific) bao gồm 05 thành viên, cụ thể như sau:

1. Ông Mai Thế Toàn - Chủ tịch HĐQT không chuyên trách - Đại diện phần vốn góp của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans);
2. Ông Lê Mạnh Tuấn - Ủy viên HĐQT/Giám đốc - Đại diện phần vốn góp của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans);
3. Ông Đoàn Đình Hiếu – Ủy viên HĐQT - Đại diện phần vốn góp của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans);
4. Ông Lê Mạnh Hùng - Ủy viên HĐQT - Đại diện phần vốn góp của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCBS);
5. Ông Trương Minh Hùng - Đại diện phần vốn góp của Công ty CP Quản lý quỹ Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI AM).

Hội đồng quản trị Công ty PV Trans Pacific hoạt động theo Quy chế hoạt động của HĐQT và sự phối hợp giữa HĐQT và Giám đốc Công ty ban hành tại Quyết định số 13/QĐ-TBD-HĐQT ngày 04/12/2012.

2. Hoạt động của HĐQT Công ty

Từ đầu năm 2019, nhận thức được những thuận lợi và khó khăn mà PVTrans Pacific sẽ phải gặp phải trong bối cảnh chung của thị trường vận tải trong nước và quốc tế, Hội đồng Quản trị đã tích cực phối hợp cùng Ban điều hành tập trung giải quyết những vấn đề trọng tâm của Công ty, trong đó tập trung vào việc tổ chức phương án kinh doanh khai thác đội tàu dầu thô trong nước kết hợp khai thác trên thị trường quốc tế một cách hợp lý để tận dụng cơ hội thị trường đồng thời giám sát chặt chẽ công tác quản lý vốn và quản trị hệ thống quản lý tại đơn vị.

HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng đại diện của các chủ sở hữu trong việc giám sát hoạt động điều hành của Công ty, định hướng phù hợp và chỉ đạo kịp thời đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao phó, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty.

Bên cạnh việc thực hiện chức năng quản lý, giám sát công tác điều hành của Ban điều hành, HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban giám đốc tìm kiếm những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh năm 2019.

Với tinh thần trách nhiệm cao, đoàn kết, hợp tác thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Cổ đông và Công ty, HĐQT đã triển khai các giải pháp quyết liệt trong công tác quản trị, điều hành của HĐQT, chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết của HĐQT, và kết quả năm 2019 Công ty đã hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ giao.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ TH/KH năm 2019
1	Vốn điều lệ	942,75	942,75	100%
2	Tổng doanh thu	1.450,00	1.691,22	117%
3	Lợi nhuận trước thuế	150,00	188,67	126%
4	Lợi nhuận sau thuế	120,10	150,77	126%
5	Nộp ngân sách Nhà nước	59,50	93,65	157%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /VĐL	13%	16%	123%

3. Hoạt động của các thành viên HĐQT:

Trong năm, các thành viên HĐQT đã tích cực hoạt động theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công, tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, cụ thể như sau:

3.1 Ông Mai Thế Toàn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Chịu trách nhiệm chung trong điều hành hoạt động công tác của HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

- Chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên HĐQT.

- Lĩnh vực chiến lược.

- Công tác tổ chức và cán bộ; tổ chức và đổi mới, tái cấu trúc doanh nghiệp.

- Công tác quản lý các dự án đầu tư.

- Việc tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị doanh nghiệp.

- Xem xét ban hành các Quy chế, Quy định, Định mức quản lý nội bộ.

- Thực hiện công việc khác không phân công cho các thành viên HĐQT.

3.2 Ông Lê Mạnh Tuấn - Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc

- Công tác sản xuất - kinh doanh, phát triển thị trường.

- Công tác nhân sự/phát triển nguồn nhân lực.

- Công tác tài chính kế toán.

- Công tác đối ngoại, hợp tác kinh doanh.

- Công tác kế hoạch.
- Công tác công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

3.3 Ông Đoàn Đình Hiếu - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Công tác quản lý vốn.
- Quản lý rủi ro về tài chính, dòng tiền.
- Các công việc khác theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

3.4 Ông Lê Mạnh Hùng - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giám sát việc thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty, các Quy chế, Quy định, Định mức quản lý nội bộ.

- Các công việc khác theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

3.5 Ông Trương Minh Hùng - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư.
- Các công việc khác theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của mình theo quy định của luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động của Công ty, quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định pháp luật khác có liên quan, hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công.

4. Các quyết định của HĐQT năm 2019

Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị đã thực hiện việc họp, trao đổi, điều hành chủ yếu thông qua hình thức họp trực tuyến và tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD của Công ty.

Bên cạnh đó, Chủ tịch HĐQT thường xuyên trao đổi, bàn bạc cùng Giám đốc, chủ trì/đồng chủ trì nhiều cuộc họp, hội nghị quan trọng liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh, họp giao ban... của Công ty. Trên cơ sở kết quả các cuộc họp, HĐQT đã ban hành 19 Nghị quyết và 11 Quyết định về những vấn đề quan trọng của Công ty như phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2019 của Công ty, ủy quyền cho Hội đồng đầu tư phê duyệt các nội dung thuộc dự án mua tàu vận chuyên dầu thô loại Aframax, các công việc liên quan đến công tác cán bộ, ... làm cơ sở cho Giám đốc triển khai các hoạt động sản xuất - kinh doanh.

5. Công tác quản lý, giám sát hoạt động đối với Giám đốc và bộ máy điều hành

Hội đồng quản trị giám sát điều hành hoạt động của Ban điều hành trên cơ sở Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Quy chế hoạt động và phối hợp giữa HĐQT và Giám đốc và các quy chế nội bộ khác của Công ty Pacific. Hội đồng Quản trị Công ty đã thường xuyên thực hiện công tác quản lý, giám sát hoạt động điều hành của Giám đốc Công ty thông qua việc tham dự và có ý kiến tại các cuộc họp định kỳ giao ban cũng như các cuộc họp sơ kết/tổng kết, các cuộc họp nội bộ của Công ty để nắm bắt tình hình hoạt động và chỉ đạo xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động SXKD qua các báo cáo, tờ trình của Giám đốc và Ban điều hành.

Các hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc trong năm 2019 gồm các nội dung chính như sau:

- Giám sát công tác điều hành của Ban Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- Giám sát công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Giám sát công tác tổ chức bộ máy nhân sự, ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Giám sát việc đầu tư tàu Aframax;
- Giám sát việc chuẩn bị đầu tư tàu VLCC;
- Giám sát việc xây dựng kế hoạch SXKD năm 2019;
- Giám sát, theo dõi và đôn đốc việc xử lý khoản công nợ 80 tỷ đồng bị chiếm dụng tại Vietinbank - CN Nhà Bè.

Năm 2019, Ban Giám đốc đã nỗ lực và quyết liệt điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT ban hành. Với các chỉ tiêu đạt được, HĐQT đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ trong năm tài chính 2019, cụ thể là:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực.

- Đảm bảo thu nhập, đời sống người lao động; xây dựng và đào tạo được đội ngũ cán bộ lãnh đạo, người lao động có trình độ phù hợp, nhiệt huyết tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong các năm tiếp theo.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định, chính sách điều hành minh bạch có sự phân công, phân cấp rõ ràng trong bộ máy điều hành.

Công ty hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh mà ĐHCĐ đã phê duyệt, kết quả đó chứng tỏ sự cố gắng, nỗ lực và quyết tâm của toàn bộ tập thể Ban Giám đốc và tập thể cán bộ công nhân viên trong Công ty.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được vẫn còn một số hạn chế cần được Ban điều hành khắc phục trong năm 2020 để đảm bảo duy trì tốc độ phát triển Công ty.

6. Công tác đầu tư

Trong năm 2019, Tiểu ban đầu tư thuộc Hội đồng quản trị đã thay mặt thay mặt HĐQT phê duyệt những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT trong suốt quá trình thực hiện đầu tư mua tàu.

7. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019 được trả theo mức đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại ĐHCĐ năm 2019, cụ thể như sau

+ Đối với thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách: Thù lao Chủ tịch HĐQT 3.000.000 đồng/tháng, thành viên HĐQT: 2.000.000 đồng/người/tháng; Trưởng Ban kiểm soát: 1.500.000 đồng/người/tháng, thành viên BKS: 1.000.000 đồng/người/tháng. Tổng số tiền thù lao kiêm nhiệm thực hiện là 150.000.000 đồng.

+ Đối với thành viên HĐQT, BKS chuyên trách và thành viên HĐQT là Giám đốc Công ty: tiền lương, tiền thưởng được thực hiện đúng theo Quy chế trả lương, thưởng của Tổng Công ty PVTrans/Công ty.

8. Quan hệ cổ đông:

Công ty vẫn duy trì công tác quan hệ với các cổ đông, tiếp xúc và cung cấp các thông tin cho cổ đông theo yêu cầu và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị của Công ty.

Các cổ đông đều được thông báo đầy đủ các thông tin liên quan đến công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 góp phần vào thành công của Đại hội.

II. PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ VÀ KẾ HOẠCH 2020

1. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2020:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.650,00
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	1.440,00
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	210,00
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	168,00
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	22,00

2. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2020:

Dự báo trong những năm sắp tới thị trường vận tải dầu khí quốc tế vẫn còn nhiều khó khăn và biến động do bị tác động bởi diễn biến phức tạp của dịch Covid 19 ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu, sự cắt giảm sản lượng của OPEC+ và Nga để kiểm soát giá dầu trong khi Mỹ tiếp tục gia tăng sản lượng khai thác dầu, tăng tỉ lệ xuất khẩu; Lệnh cấm vận của Mỹ lên Iran, Venezuela tiếp tục ảnh hưởng đến nguồn cung hàng ra thị trường sẽ ảnh hưởng đến giá cước vận tải biển quốc tế. Ngoài ra, Công ước quốc tế về quản lý khí thải đối với nhiên liệu hàng hải (IMO 2020) có hiệu lực từ 01/01/2020 làm tăng chi phí khai thác rất lớn cho chủ tàu.

Đối với thị trường vận tải dầu thô trong nước, do khó khăn trong việc mua dầu trong nước nên BSR phải tăng nhập khẩu từ nước ngoài do vậy số chuyến vận chuyển trong nước sẽ giảm so với các năm trước đây.

Ngoài ra, việc tham gia cung cấp tàu VLCC cho Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn trong những năm sắp tới vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn do thị trường tàu VLCC có nhiều biến động bất thường về giá cước vận chuyển đồng thời nguồn cung tàu VLCC ra thị trường gia tăng trong khi Mỹ tiếp tục áp dụng lệnh cấm vận với một số Công ty tàu biển.

Do đó, để đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định và bền vững, HĐQT đề ra kế hoạch hoạt động năm 2020 gồm các nội dung sau:

- Chỉ đạo xây dựng, trình ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, cũng như tiếp tục quyết liệt chỉ đạo, triển khai thực hiện kế hoạch sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.

- Thực hiện công tác quản lý, giám sát công tác điều hành của Giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, đồng thời chỉ đạo, phối hợp Ban điều hành đưa ra các giải pháp đầu tư phát triển đội tàu, nâng cao năng lực vận chuyển tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững và ổn định của Công ty trong tương lai.

- Cùng với Ban điều hành chuẩn bị đầy đủ các điều kiện và thủ tục để tiến hành đầu tư tàu VLCC để khai thác trên thị trường quốc tế và tham gia vận tải dầu thô nhập khẩu cho NSRP và tàu Aframax tham gia thị trường quốc tế và kết hợp tham gia vận tải dầu thô nội địa đảm bảo hiệu quả khai thác tàu không thấp hơn kế hoạch đề ra.

- Khai thác tàu PVT Athena và tàu Apollo: tiếp tục tổ chức khai thác an toàn hiệu quả trên thị trường quốc tế và kết hợp tham gia vận tải dầu thô nội địa đảm bảo hiệu quả khai thác tàu.

- Tàu FSO DaiHung Queen: tiếp tục phối hợp với OFS/Tổng công ty PVTrans triển khai các công việc liên quan đến yêu cầu đăng kiểm trong cửa sổ 05 năm và hàng năm theo quy định. Đưa tàu lên dock để thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng tàu định kỳ 05 năm trong thời gian dừng mở đồng thời đàm phán gia hạn hợp đồng với PVEP/POC hoặc tham gia đấu thầu phục vụ cho Mỏ Đại Hùng sau khi hoàn thành bảo dưỡng sửa chữa.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình, hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật hiện có phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của đơn vị.

- Phê chuẩn, bổ nhiệm/miễn nhiệm nhân sự thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông cũng như quyền lợi và điều kiện làm việc cho người lao động trong Công ty. Thực hiện các giải pháp khuyến khích để người lao động hăng say cống hiến, phát huy trí lực, toàn tâm vì sự phát triển vững mạnh của Công ty.

III. KẾT LUẬN

Phát huy những thành quả đạt được trong năm 2019, với sự đoàn kết, sáng tạo và quyết tâm của Hội đồng Quản trị, tập thể ban lãnh đạo Công ty cùng sự nỗ lực của toàn thể CBCNV Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương, Hội đồng quản trị tin tưởng sẽ hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 giao và tiếp tục đưa Công ty đạt được những thành quả lớn hơn nữa, đảm bảo sự phát triển ổn định lâu dài của Công ty và không ngừng gia tăng lợi ích cho các cổ đông.

Trân trọng cảm ơn.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Mai Thế Toàn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2020

Dự thảo

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP VTĐK THÁI BÌNH DƯƠNG

Hội đồng Quản trị Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông về phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019 như sau:

1. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-TBD-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2019, Công ty đã tiến hành ký kết hợp đồng kiểm toán với Công ty kiểm toán Deloitte Việt Nam và Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được Deloitte kiểm toán hoàn thành vào ngày 27/03/2010 (file đính kèm) và đã được công bố thông tin đến các cơ quan quản lý và các cổ đông theo đúng quy định.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kết quả sản xuất kinh doanh của PV Trans Pacific trong năm 2019 như sau:

Đvt: tỷ đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ TH/KH năm 2019
1	Vốn điều lệ	942,75	942,75	100%
2	Tổng doanh thu	1.450,00	1.691,22	117%
3	Lợi nhuận trước thuế	150,00	188,67	126%
4	Lợi nhuận sau thuế	120,10	150,77	126%
5	Nộp ngân sách Nhà nước	59,50	93,65	157%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /VĐL	13%	16%	123%

Trân trọng kính trình.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đính kèm:

- Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán

Mai Thế Toàn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 25



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Thế Toàn	Chủ tịch
Ông Lê Mạnh Tuấn	Thành viên
Ông Đoàn Đình Hiếu	Thành viên
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Trương Minh Hùng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Mạnh Tuấn	Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Quý	Phó Giám đốc
Ông Lê Trúc Lâm	Phó Giám đốc
Ông Khiếu Trung Trực	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2019)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Mạnh Tuấn
Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2020



Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
 Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
 57-69F Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
 Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Điện thoại: +84 28 7101 4555
 Fax : +84 28 3910 0750
 www.deloitte.com/vn

Số: 0507- /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2020, từ trang 03 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Thái Hòa
 Phó Tổng Giám đốc
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số 0138-2018-001-1
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
 DELOITTE VIỆT NAM**
 Ngày 27 tháng 3 năm 2020
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

M

Phạm Hoàng Khánh Phương
 Kiểm toán viên
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số 2756-2020-001-1

03054
 CÔNG
 CỐ PH
 AN TÀI D
 HẢI BÌNH
 TP.H

002
 ANH
 TY
 HỮU
 TTI
 NAM
 HOC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019


Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		782.139.270.707	1.182.273.717.285
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	192.056.429.807	634.347.157.463
1. Tiền	111		15.555.391.820	29.378.727.547
2. Các khoản tương đương tiền	112		176.501.037.987	604.968.429.916
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		408.190.000.000	141.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	408.190.000.000	141.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		164.951.454.530	365.167.112.378
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	160.419.722.660	350.624.498.686
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		36.000.000	56.254.796
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7a	4.495.731.870	14.486.358.896
IV. Hàng tồn kho	140		12.457.027.650	8.455.808.235
1. Hàng tồn kho	141	8	12.457.027.650	8.455.808.235
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.484.358.720	32.803.639.209
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9a	4.484.358.720	1.000.536.999
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	5.042.302.210
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13a	-	26.760.800.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.815.119.159.407	1.671.218.510.223
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		395.000.000	395.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7b	395.000.000	395.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.780.441.375.585	1.652.124.299.125
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.780.441.375.585	1.652.124.299.125
- Nguyên giá	222		3.293.085.488.935	2.856.292.805.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.512.644.113.350)	(1.204.168.506.420)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		65.000.000	65.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(65.000.000)	(65.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		34.282.783.822	18.699.211.098
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9b	1.511.111.133	2.311.111.125
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	32.771.672.689	16.388.099.973
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.597.258.430.114	2.853.492.227.508


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.276.962.183.016	1.583.752.381.757
I. Nợ ngắn hạn	310		686.522.774.109	697.993.816.551
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	75.371.017.048	258.967.015.684
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13b	20.623.155.483	34.081.433.285
3. Phải trả người lao động	314		2.171.887.416	2.436.411.635
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	19.638.019.248	81.520.931.597
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	5.957.358.707	8.007.473.678
6. Vay ngắn hạn	320	16	552.260.025.438	310.181.802.227
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	18	8.367.083.333	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.134.227.436	2.798.748.445
II. Nợ dài hạn	330		590.439.408.907	885.758.565.206
1. Vay dài hạn	338	17	583.986.114.907	877.391.481.873
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	6.453.294.000	8.367.083.333
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.320.296.247.098	1.269.739.845.751
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1.320.296.247.098	1.269.739.845.751
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		942.750.280.000	942.750.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		942.750.280.000	942.750.280.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		140.145.536.670	49.451.317.900
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.874.782.311	1.874.782.311
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		235.525.648.117	275.663.465.540
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		84.752.565.644	94.275.028.000
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		150.773.082.473	181.388.437.540
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.597.258.430.114	2.853.492.227.508



Nguyễn Thị Phương Lan
Người lập biểu



Phan Phong Phúc
Kế toán trưởng



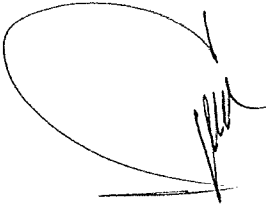
Lê Mạnh Tuấn
Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		1.601.949.601.908	1.488.513.975.534
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10	22	1.601.949.601.908	1.488.513.975.534
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	23	1.449.618.405.653	1.280.062.069.635
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		152.331.196.255	208.451.905.899
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	88.009.601.399	82.302.356.729
6. Chi phí tài chính	22	26	33.406.392.414	40.295.784.576
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.077.845.096	21.116.789.351
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	19.496.259.720	18.608.838.541
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		187.438.145.520	231.849.639.511
9. Thu nhập khác	31		1.258.252.231	-
10. Chi phí khác	32		29.419.327	272.794.375
11. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		1.228.832.904	(272.794.375)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		188.666.978.424	231.576.845.136
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	54.277.468.667	66.576.507.569
14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	11	(16.383.572.716)	(16.388.099.973)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		150.773.082.473	181.388.437.540
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.546	1.823


Nguyễn Thị Phương Lan
Người lập biểu


Phan Phong Phúc
Kế toán trưởng



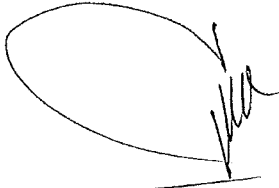
Lê Mạnh Tuấn
Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	188.666.978.424	231.576.845.136
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	308.475.606.930	270.869.637.532
Các khoản dự phòng	03	6.453.294.000	(40.427.509.369)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	(9.055.067.896)	13.779.173.088
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(39.069.636.903)	(42.124.031.997)
Chi phí lãi vay	06	24.077.845.096	21.116.789.351
3. Lợi nhuận từ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	479.549.019.651	454.790.903.741
Thay đổi các khoản phải thu	09	228.155.465.646	(203.842.355.884)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(4.001.219.415)	(352.043.558)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(301.120.204.128)	62.926.918.115
Thay đổi chi phí trả trước	12	(2.683.821.729)	781.777.337
Tiền lãi vay đã trả	14	(25.693.052.185)	(22.777.947.558)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(43.648.166.925)	(60.975.988.218)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.606.174.135)	(5.524.102.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	323.951.846.780	225.027.161.475
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(436.714.483.390)	-
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(812.390.000.000)	(348.635.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	545.700.000.000	338.135.000.000
4. Tiền thu từ lãi tiền gửi	27	42.932.931.315	38.149.473.099
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(660.471.552.075)	27.649.473.099
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	260.474.400.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(273.198.442.781)	(266.652.291.244)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(93.047.510.500)	(11.998.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(105.771.553.281)	(266.664.289.744)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(442.291.258.576)	(13.987.655.170)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	634.347.157.463	648.356.252.821
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	530.920	(21.440.188)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	192.056.429.807	634.347.157.463


Nguyễn Thị Phương Lan
Người lập biểu


Phan Phong Phúc
Kế toán trưởng




Lê Mạnh Tuấn
Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2020

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chủ yếu là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Phương tiện vận tải

Số năm

06 - 15

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba (03) năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị khoản bảo lãnh vay, thiết bị văn phòng, chi phí sửa chữa văn phòng, vật tư phụ tùng xuất dùng trên tàu. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng sửa chữa tàu định kỳ được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh hàng năm căn cứ vào dự toán cho đến năm dự kiến việc sửa chữa tài sản xảy ra. Tại năm phát sinh việc sửa chữa, nếu chi phí sửa chữa thực tế lớn hơn số trích theo dự toán hoặc ngược lại thì số chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính đó. Riêng chi phí sửa chữa định kỳ đối với tàu cho thuê sẽ do bên thuê tàu chịu trách nhiệm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

305
CỘT
CỘT
N T A
I A B I
7 T

TRÁI
T

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không tính thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Tiền mặt	12.113.397	51.252.938
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.543.278.423	29.327.474.609
Các khoản tương đương tiền (*)	176.501.037.987	604.968.429.916
	192.056.429.807	634.347.157.463

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một (01) đến ba (03) tháng tại các ngân hàng thương mại, với lãi suất hàng năm được hưởng từ 0,5% đến 5,5% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 4,8% đến 5,5%).

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12

1126
H
A
C
O
N
H
H
I
E
L
I
E
T
T
P.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng là từ 5,3% đến 7,2% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 5,1% đến 7,3%).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	147.679.788.755	281.224.920.823
Khác	12.739.933.905	69.399.577.863
	160.419.722.660	350.624.498.686

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	1.609.234.500	4.888.054.810
+ Trích trước lãi tiền gửi ngân hàng	1.148.564.382	4.426.487.671
+ Khác	460.670.118	461.567.139
Trích trước lãi tiền gửi ngân hàng	2.876.497.370	3.461.868.493
SK Shipping Co., Ltd.	-	6.076.435.593
Tạm ứng cho nhân viên	-	50.000.000
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	10.000.000
	4.495.731.870	14.486.358.896
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	395.000.000	395.000.000
	395.000.000	395.000.000

8. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị nhiên liệu, vật tư và phụ tùng tồn trên tàu tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện các khoản phí bảo hiểm tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện phí bảo lãnh các khoản vay tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

512
TY
AN
AUI
UOI
CX

10-002
IÁNH
TY
NHUI
TTE
NAM
HỒ CỖ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	-	2.856.292.805.545	2.856.292.805.545
Tăng trong năm	78.200.000	436.714.483.390	436.792.683.390
Số cuối năm	78.200.000	3.293.007.288.935	3.293.085.488.935
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	-	1.204.168.506.420	1.204.168.506.420
Khấu hao trong năm	-	308.475.606.930	308.475.606.930
Số cuối năm	-	1.512.644.113.350	1.512.644.113.350
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	-	1.652.124.299.125	1.652.124.299.125
Số cuối năm	78.200.000	1.780.363.175.585	1.780.441.375.585

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp tài sản là tàu chở dầu thô PVT Athena và kho nổi FSO Đại Hùng Queen 105.000 DWT với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.381.254.661.597 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.652.124.299.125 đồng) để đảm bảo cho khoản vay từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; và tàu chở dầu Apollo với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 399.108.513.988 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 0 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình.

11. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Khấu hao tài sản cố định VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	4.527.258	16.383.572.715	16.388.099.973
Ghi vào kết quả kinh doanh trong năm	-	16.383.572.716	16.383.572.716
Số dư cuối năm	4.527.258	32.767.145.431	32.771.672.689

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	36.148.711.006	213.885.193.563
Cockett Marine Oil (Asia) Pte., Ltd.	-	13.185.451.727
Zhoushan Xinya Shipyards Co., Ltd.	-	28.115.989.750
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Quốc tế	4.837.941.475	3.158.766.133
Công ty Cổ phần Cung ứng Nhiên liệu Tàu biển Vina	32.830.459.100	-
Khác	1.553.905.467	621.614.511
	75.371.017.048	258.967.015.684

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Phân loại lại VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.600.000.000	2.490.107.787	20.090.107.787	-
Các khoản phải thu khác	9.160.800.000	(2.490.107.787)	6.670.692.213	-
	26.760.800.000	-	26.760.800.000	-
b. Các khoản phải nộp				
	Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	6.503.298.983	21.179.914.882	25.193.861.632	2.489.352.233
Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	-	5.044.130.356	5.044.130.356	-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	2.764.283.538	2.764.283.538	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.442.321.072	54.277.468.667	63.738.274.712	17.981.515.027
Thuế thu nhập cá nhân	135.813.230	711.852.322	695.377.329	152.288.223
Thuế nhà thầu	-	1.481.206.241	1.481.206.241	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế khác	-	8.187.255.200	8.187.255.200	-
	34.081.433.285	93.649.111.206	107.107.389.008	20.623.155.483

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí thuê tàu VLCC, nhiên liệu, đại lý	16.583.052.686	76.422.891.249
Chi phí lãi vay	2.738.243.740	3.775.516.073
Khác	316.722.822	1.322.524.275
	19.638.019.248	81.520.931.597

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	2.352.778.492	5.634.397.225
Cổ tức phải trả	1.491.676.400	264.158.900
Trilliance Petrochemical Company (Hồng Kông) (*)	2.094.467.906	2.095.820.339
Các khoản phải trả khác	18.435.909	13.097.214
	5.957.358.707	8.007.473.678

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty ghi nhận khoản phải trả khác với Trilliance Petrochemical Company (Hồng Kông) với số tiền là 2.094.467.906 đồng. Khoản phải trả khác này liên quan đến dịch vụ đã cung cấp trong năm 2016 nhưng chưa ghi nhận doanh thu do đang trong quá trình giải quyết tranh chấp. Kết quả của việc tranh chấp chưa được xác định, vì vậy, Công ty đang ghi nhận khoản tiền này vào khoản mục phải trả khác trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

16. VAY NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay dài hạn đến hạn trả, bao gồm:

	Số đầu năm VND	Trong năm		Thanh toán VND	Số cuối năm VND
		Chuyển từ vay dài hạn VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND		
Ngân hàng Citibank Việt Nam	227.436.814.515	422.724.815.138	(29.583.202.963)	190.911.215.237	429.667.211.453
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	67.912.508.336	67.912.508.336	-	67.912.508.336	67.912.508.336
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	14.832.479.376	14.374.719.208	(19.149.007)	14.374.719.208	14.813.330.369
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình	-	40.073.006.160	(206.030.880)	-	39.866.975.280
	310.181.802.227	545.085.048.842	(29.808.382.850)	273.198.442.781	552.260.025.438

17. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm VND	Trong năm		Chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả VND	Số cuối năm VND
		Tăng VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND		
Ngân hàng Citibank Việt Nam (*)	429.852.014.554	-	(7.127.199.416)	422.724.815.138	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (**)	373.375.717.172	-	-	67.912.508.336	305.463.208.836
Ngân hàng TMCP Đại Chúng (***)	74.163.750.147	-	(534.349.588)	14.374.719.208	59.254.681.351
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình (****)	-	260.474.400.000	(1.133.169.120)	40.073.006.160	219.268.224.720
	877.391.481.873	260.474.400.000	(8.794.718.124)	545.085.048.842	583.986.114.907

(*) Khoản vay từ Ngân hàng Citibank Việt Nam thông qua Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí ("Tổng Công ty") có tổng hạn mức 98.004.105 Đô la Mỹ nhằm tài trợ cho dự án mua tàu Athena và đóng mới tàu dầu thô Aframax. Khoản vay này được đảm bảo bằng doanh thu về cước tàu của Công ty, phần vốn góp của Tổng Công ty vào Công ty và bảo lãnh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, chịu lãi suất 5,01%/năm đối với dự án mua tàu Athena và 5,1%/năm đối với dự án đóng tàu Aframax. Khoản vay sẽ được thanh toán trong 20 kỳ bán niên từ ngày 21 tháng 5 năm 2011 đến ngày 21 tháng 11 năm 2020.

(**) Khoản vay từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thông qua Tổng Công ty với số tiền là 627 tỷ đồng nhằm hỗ trợ cho Công ty thanh toán số tiền vay từ Ngân hàng Citibank Việt Nam đến hạn trả trong năm 2011. Như trình bày tại Thuyết minh số 10, khoản vay này có tài sản đảm bảo là tàu chở dầu thô PVT Athena và kho nổi FSO Đại Hùng Queen 105.000 DWT. Khoản vay chịu lãi suất 2,5%/năm và sẽ được thanh toán trong 10 năm bắt đầu từ ngày 30 tháng 9 năm 2015.

(***) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam với tổng hạn mức là 10 triệu Đô la Mỹ để thực hiện dự án chuyển đổi tàu chở dầu thô 105.000 DWT thành kho nổi. Khoản vay này không có đảm bảo, chịu lãi suất 3%/năm trong năm đầu tiên và 2,5%/năm ở các năm tiếp theo và đến hạn thanh toán trong vòng mười năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên (vào ngày 11 tháng 12 năm 2015).

3547
 ÔNG
 Ô PH
 TÀI D
 BÌNH
 TP.H

10011251
 CHI N
 CÔNG
 TÁCH NHIE
 ĐELO
 VIỆT
 TP.H

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(****) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình với tổng hạn mức 13 triệu Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu chở dầu Apollo (số IMO: 9321964) đóng tại Nhật năm 2006. Như trình bày tại Thuyết minh số 10, khoản vay này được đảm bảo bằng tàu chở dầu Apollo. Khoản vay chịu lãi suất 5,35%/năm trong sáu (06) tháng đầu tiên; từ tháng thứ bảy trở đi, lãi suất được điều chỉnh định kỳ sáu (06) tháng một lần và sẽ được thanh toán trong 84 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên (ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 22 tháng 6 năm 2026).

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	552.260.025.438	310.181.802.227
Trong năm thứ hai	122.592.822.341	512.597.006.449
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	367.779.793.474	248.234.969.412
Sau năm năm	93.613.499.092	116.559.506.012
	1.136.246.140.345	1.187.573.284.100
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần Vay ngắn hạn – Thuyết minh số 16)	552.260.025.438	310.181.802.227
Số phải trả sau 12 tháng	583.986.114.907	877.391.481.873

18. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	Sửa chữa định kỳ tàu Athena VND	Sửa chữa định kỳ tàu Apollo VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	8.367.083.333	-	8.367.083.333
Trích lập trong năm	-	6.453.294.000	6.453.294.000
Số dư cuối năm	8.367.083.333	6.453.294.000	14.820.377.333

Chi tiết các khoản dự phòng phải trả:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự phòng phải trả ngắn hạn	8.367.083.333	-
Dự phòng phải trả dài hạn	6.453.294.000	8.367.083.333
	14.820.377.333	8.367.083.333

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn cổ phần đã phát hành

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần được phép phát hành	94.275.028	94.275.028
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	942.750.280.000	942.750.280.000

Đã được phát hành và góp vốn đủ:

Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đủ	94.275.028	94.275.028
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	942.750.280.000	942.750.280.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

CÔNG TY
 AN
 K
 U
 O
 N
 G

0-002-
 H
 ANH
 TY
 H
 U
 U
 H
 TTE
 AM
 H
 O
 C
 H
 I

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	942.750.280.000	5.401.849.150	1.874.782.311	142.424.496.750	1.092.451.408.211
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	181.388.437.540	181.388.437.540
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	44.049.468.750	-	(44.049.468.750)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.600.000.000)	(3.600.000.000)
Trích quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số dư đầu năm nay	942.750.280.000	49.451.317.900	1.874.782.311	275.663.465.540	1.269.739.845.751
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	150.773.082.473	150.773.082.473
Trích quỹ đầu tư phát triển (1)	-	90.694.218.770	-	(90.694.218.770)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1)	-	-	-	(5.441.653.126)	(5.441.653.126)
Trích quỹ thưởng ban quản lý, điều hành (1)	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Chia cổ tức cho cổ đông (2)	-	-	-	(94.275.028.000)	(94.275.028.000)
Số dư cuối năm nay	942.750.280.000	140.145.536.670	1.874.782.311	235.525.648.117	1.320.296.247.098

(1) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-TBD/ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019, Công ty đã phê duyệt việc trích lập các quỹ bao gồm số trích lập bổ sung quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban quản lý, điều hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018.

(2) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-TBD/ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019, Công ty đã công bố chia cổ tức năm 2018 cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 với số tiền là 94.275.028.000 đồng. Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức.

Chi tiết các cổ đông sở hữu cổ phần tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tại ngày đầu năm và cuối năm	
	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	612.000.000.000	64,92%
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	103.590.000.000	10,99%
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	95.437.470.000	10,12%
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu Khí	84.496.530.000	8,96%
Khác	47.226.280.000	5,01%
	942.750.280.000	100%

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.616.160.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 3.232.320.000 đồng) (Thuyết minh số 30).

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	516.238	7.908
Euro (EUR)	<u>297</u>	<u>701</u>

Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền bồi thường	<u>78.702.730.000</u>	<u>80.000.000.000</u>

Theo Nghị quyết số 03/NQ-TBD-HDQT ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Hội đồng Quản trị, Công ty đánh giá số tiền này không có khả năng thu hồi, nên đã quyết định chuyển ra tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán để tiếp tục theo dõi và xử lý theo quy định.

Ngày 11 tháng 01 năm 2019, Công ty nhận được số tiền 1.297.270.000 đồng do Bà Huỳnh Thị Huyền Như bồi thường và đã hạch toán thu nhập khác theo Quyết định số 101/QĐ-CTHADS ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự.

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương là cung cấp dịch vụ vận tải dầu thô, cho thuê kho chứa nổi FSO và dịch vụ quản lý tàu. Đây là các hoạt động cung cấp dịch vụ cho tàu và chỉ có một bộ phận của Công ty thực hiện. Về mặt địa lý, Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

22. DOANH THU THUẬN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ vận tải dầu thô	891.537.166.460	781.978.420.609
Dịch vụ cho thuê kho chứa nổi FSO	262.516.642.739	261.073.550.000
Dịch vụ quản lý tàu	447.895.792.709	445.462.004.925
	<u>1.601.949.601.908</u>	<u>1.488.513.975.534</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	<u>940.001.983.958</u>	<u>1.175.121.618.961</u>

23. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ vận tải dầu thô	879.442.331.831	692.654.081.413
Dịch vụ cho thuê kho chứa nổi FSO	125.347.358.736	142.947.358.736
Dịch vụ quản lý tàu	444.828.715.086	444.460.629.486
	<u>1.449.618.405.653</u>	<u>1.280.062.069.635</u>

24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Nguyên liệu, vật liệu	36.695.798.677	125.731.524.667
Nhân công	30.578.643.888	22.446.128.357
Khấu hao tài sản cố định	308.475.606.930	270.869.637.532
Dịch vụ mua ngoài	478.815.121.876	490.318.164.154
Khác	614.549.494.002	389.305.453.466
	<u>1.469.114.665.373</u>	<u>1.298.670.908.176</u>

05
Ổ
T
A
B
I
T

01001
C
T
TRÁCI
DI
V
N

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	39.069.636.903	42.124.031.997
Lãi chênh lệch tỷ giá	48.939.964.496	40.178.324.732
	88.009.601.399	82.302.356.729

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	24.077.845.096	21.116.789.351
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.885.935.383	19.178.995.225
Khác	442.611.935	-
	33.406.392.414	40.295.784.576

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Nhân công	7.450.091.648	7.038.521.226
Dịch vụ mua ngoài	2.323.680.700	1.572.674.206
Khác	9.722.487.372	9.997.643.109
	19.496.259.720	18.608.838.541

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	54.431.401.721	58.315.196.909
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(153.933.054)	8.261.310.660
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	54.277.468.667	66.576.507.569

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	188.666.978.424	231.576.845.136
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(32.529.569.936)
Cộng: Các chi phí không được khấu trừ	83.490.030.180	92.528.709.346
Thu nhập tính thuế	272.157.008.604	291.575.984.546
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	54.431.401.721	58.315.196.909

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ban Giám đốc hiểu rằng số tiền thuế được báo cáo trong báo cáo tài chính chưa phải là số cuối cùng và sẽ được kiểm tra lại bởi cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các quy định thuế được diễn giải theo nhiều cách khác nhau nên số thuế được báo cáo trên báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế có thẩm quyền.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty như sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	150.773.082.473	181.388.437.540
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban quản lý, điều hành (*)	(5.023.192.474)	(9.568.157.451)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	145.749.889.999	171.820.280.089
Cổ phần phổ thông đang lưu hành trong năm (cổ phần)	94.275.028	94.275.028
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.546	1.823

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được tính trên cơ sở của lợi nhuận sau thuế như trên và số liệu ước tính quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 3% lợi nhuận sau thuế và quỹ thưởng ban quản lý, điều hành tương ứng với tỷ lệ trích trong năm 2018 của Công ty. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai năm do Công ty chưa có kế hoạch cho việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty là bên đi thuê:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.336.160.000	1.976.160.000

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	1.616.160.000	1.616.160.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	1.616.160.000
	1.616.160.000	3.232.320.000

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê Công ty phải thanh toán cho việc thuê văn phòng Công ty. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 43,5 tháng tính từ ngày 15 tháng 5 năm 2014.

Công ty là bên cho thuê:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	498.060.806.330	261.073.550.000

Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động, Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	290.434.753.000	261.073.550.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	98.707.260.000
	290.434.753.000	359.780.810.000

100
 ANH
 TY
 HỮU
 TÍ
 AM
 OC

100
 ANH
 TY
 HỮU
 TÍ
 AM
 OC

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện khoản tiền Công ty sẽ thu từ Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí từ việc cho thuê kho nổi FSO Đại Hùng Queen với thời hạn cho thuê năm (05) năm tính từ ngày 17 tháng 5 năm 2015, Dawning Shipping Pte Ltd từ việc cho thuê tàu Athena với thời hạn thuê tính từ ngày 28 tháng 12 năm 2018 đến 27 tháng 01 năm 2020, R Shipping Product Tankers LP từ việc cho thuê tàu Athena với thời hạn thuê tính từ ngày 28 tháng 01 năm 2020 đến 27 tháng 7 năm 2020 và Navig8 INC từ việc cho thuê tàu Apollo với thời hạn thuê 6 tháng cộng sáu (06) tháng tính từ ngày 05 tháng 7 năm 2019.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và 17 trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	1.136.246.140.345	1.187.573.284.100
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	192.056.429.807	634.347.157.463
Nợ thuần	944.189.710.538	553.226.126.637
Vốn chủ sở hữu	1.320.296.247.098	1.269.739.845.751
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,72	0,44

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	192.056.429.807	634.347.157.463
Đầu tư tài chính ngắn hạn	408.190.000.000	141.500.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	165.310.454.530	365.505.857.582
	765.556.884.337	1.141.353.015.045
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.136.246.140.345	1.187.573.284.100
Phải trả người bán và phải trả khác	81.328.375.755	266.974.489.362
Chi phí phải trả	19.638.019.248	81.520.931.597
	1.237.212.535.348	1.536.068.705.059

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
USD	11.935.285.884	182.810.107	784.480.104.809	863.658.566.560
EUR	7.655.892	18.517.238	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của USD và EUR.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ (giảm)/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
USD	(23.176.344.568)	(25.904.272.694)
EUR	229.677	555.517
	(23.176.114.891)	(25.903.717.177)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của khoản vay của Công ty đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất thả nổi của khoản vay này tăng/giảm 100 điểm cơ bản thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty trong năm sẽ giảm/tăng với số tiền là 11.362.461.403 đồng (năm trước: lợi nhuận trước thuế giảm/tăng 11.875.732.841 đồng).



Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Giám đốc đánh giá rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng có uy tín trên thị trường.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	192.056.429.807	-	-	192.056.429.807
Đầu tư tài chính ngắn hạn	408.190.000.000	-	-	408.190.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	164.915.454.530	395.000.000	-	165.310.454.530
	765.161.884.337	395.000.000	-	765.556.884.337
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	552.260.025.438	490.372.615.815	93.613.499.092	1.136.246.140.345
Phải trả người bán và phải trả khác	81.328.375.755	-	-	81.328.375.755
Chi phí phải trả	19.638.019.248	-	-	19.638.019.248
	653.226.420.441	490.372.615.815	93.613.499.092	1.237.212.535.348
Chênh lệch thanh khoản thuần	111.935.463.896	(489.977.615.815)	(93.613.499.092)	(471.655.651.011)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Số đầu năm				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	634.347.157.463	-	-	634.347.157.463
Đầu tư tài chính ngắn hạn	141.500.000.000	-	-	141.500.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	365.110.857.582	395.000.000	-	365.505.857.582
	1.140.958.015.045	395.000.000	-	1.141.353.015.045
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	310.181.802.227	760.831.975.861	116.559.506.012	1.187.573.284.100
Phải trả người bán và phải trả khác	266.974.489.362	-	-	266.974.489.362
Chi phí phải trả	81.520.931.597	-	-	81.520.931.597
	658.677.223.186	760.831.975.861	116.559.506.012	1.536.068.705.059
Chênh lệch thanh khoản thuần	482.230.791.859	(760.436.975.861)	(116.559.506.012)	(394.715.690.014)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương	1.385.193.026	1.344.000.000
Thù lao	150.000.000	150.000.000
	1.535.193.026	1.494.000.000

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu từ cho vay và lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 4.025.061.752 đồng (năm 2018: 7.888.356.164 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa nhận được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 5.091.022.232 đồng (năm 2018: 6.556.236.398 đồng), là số tiền lãi phát sinh trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua tài sản cố định trong năm không bao gồm 78.200.000 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018: 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm không bao gồm số tiền 20.090.107.787 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018: 0 đồng), là số tiền thuế phát sinh trong kỳ đã thanh toán bằng cách khấu trừ với số thuế và các khoản phải thu nhà nước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Khoản chi cổ tức cho cổ đông không bao gồm 1.491.676.400 đồng (năm 2018: 264.158.900 đồng), là số tiền cổ tức chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Nguyễn Thị Phương Lan
Người lập biểu

Phan Phong Phúc
Kế toán trưởng

Lê Mạnh Tuấn
Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

Dự thảo

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: **Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP VTDK THÁI BÌNH DƯƠNG**

Căn cứ dự báo tình hình thị trường và thực tế SXKD của đơn vị, Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2020 như sau:

1. Chỉ tiêu Sản xuất kinh doanh:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	1.131,30
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.650,00
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	210,00
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	167,90
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	22,00

2. Chỉ tiêu đầu tư: Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Công ty đang thực hiện các thủ tục đầu tư và kính trình Đại hội phê duyệt như phụ lục sau:

Stt	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu tư năm 2020			Ghi chú
			Tổng mức đầu tư	Vốn Chủ sở hữu (tối thiểu)	Vốn vay + khác (tối đa)	
1	Đầu tư 01 tàu chở dầu thô loại VLCC	Triệu USD	42,54	12,86	29,68	Đầu tư chuyên tiếp
2	Đầu tư 01 tàu chở dầu thô loại Aframax	Triệu USD	26,52	8,04	18,48	
Tổng cộng			69,06	20,90	48,16	

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Mai Thế Toàn

Dự thảo

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: **Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận
và trích lập các quỹ năm 2019**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP VTDK THÁI BÌNH DƯƠNG**

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán và nhu cầu vốn cho Kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị	Ghi chú
1	LNST chưa phân phối năm 2019 theo BCTC đã được kiểm toán	235.525.648.117	
1,1	- Lợi nhuận năm 2018 chuyển sang	84.752.565.644	(1)
1,2	- Lợi nhuận thực hiện năm 2019	150.773.082.473	(2)
2	Lợi nhuận sau thuế mang phân phối	231.798.172.510	
2,1	- Quỹ đầu tư phát triển	129.984.490.386	100%*(1) +30%*(2)
2,2	- Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	6.030.923.299	4%*(2)
2,3	- Chia cổ tức bằng tiền tối đa	94.275.028.000	10%*VĐL
2,4	- Quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành	1.507.730.825	1%*(2)
3	LNST chưa phân phối năm 2019 để lại chuyển sang năm 2020	3.727.475.607	

Trân trọng kính trình./.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Mai Thế Toàn

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP VTĐK THÁI BÌNH DƯƠNG**

Ban kiểm soát Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (Pacific) kính trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2019

Ban Kiểm soát Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương bao gồm 03 thành viên:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh : Trưởng BKS (kiêm nhiệm)
2. Ông Hồ Văn Bá : Thành viên BKS (kiêm nhiệm)
3. Bà Nguyễn Lan Hương : Thành viên BKS (kiêm nhiệm)

Ngày 23/08/2019, Tổng Công ty PV Trans (cổ đông chiếm 64,9% vốn điều lệ Công ty) có công văn số 643/VTĐK-TCNS giới thiệu ông Hà Hữu Anh thay thế ông Hồ Văn Bá theo đơn từ nhiệm và Ban kiểm soát Công ty Pacific đã tiến hành thủ tục họp lấy ý kiến các thành viên BKS để thông qua việc bầu ông Hà Hữu Anh làm Thành viên BKS thay ông Hồ Văn Bá theo Nghị quyết số 01/NQ-TBD-BKS ngày 30/09/2019.

Hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ theo quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Pacific đã ban hành. Công tác triển khai thực hiện việc giám sát, kiểm tra kiểm soát trong Công ty được thực hiện theo kế hoạch năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Trong quá trình làm việc, các thành viên Ban Kiểm soát đã có những ý kiến đóng góp thiết thực trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị của Công ty; thực hiện trao đổi công việc qua các phương tiện email, điện thoại để hoạt động của Ban kiểm soát được thực hiện kịp thời, liên tục và đạt hiệu quả cao nhất.

Việc kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát đã tập trung vào các vấn đề sau:

- Giám sát tình hình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty;
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty, giám sát việc tuân thủ Điều lệ Công ty.

- Trình ĐHĐCĐ về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.
- Đánh giá, thẩm định các thông tin trên báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty theo các chế độ tài chính kế toán hiện hành.
- Tham gia ý kiến với HĐQT Công ty đối với những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh như việc chuẩn bị đầu tư tàu VLCC để tham gia vận chuyển cho NMLD Nghi Sơn, việc chuẩn bị đầu tư tàu Aframax để tham gia vận chuyển cho NMLD Dung Quất và/hoặc tham gia vận chuyển tại thị trường quốc tế, việc quản lý các khoản công nợ...

II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

1. Hoạt động đầu tư năm 2019

- Công ty Pacific đã thực hiện đầu tư 01 tàu Aframax vào cuối tháng 6/2019 và đưa vào khai thác quốc tế theo hợp đồng dài hạn, ổn định.
- Đối với dự án đầu tư mua tàu VLCC, hiện nay chủ trương đầu tư đã được PVN thông qua tuy nhiên do tình hình thị trường chưa thuận lợi dự án này được chuyển tiếp qua năm 2020.

2. Công tác tái cấu trúc doanh nghiệp

- Pacific duy trì và phát triển mảng kinh doanh vận chuyển dầu thô theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đội tàu dầu thô Aframax hiện hữu, thông qua việc cung cấp dịch vụ vận tải cho BRS cùng với việc tham gia vận tải trên thị trường quốc tế.
- Tích cực làm việc với các bên liên quan để đầu tư tàu VLCC và tàu Aframax tham gia vận tải dầu thô cho NMLD Nghi Sơn, NMLD Dung Quất mở rộng và vận tải quốc tế. Trong đó chú trọng công tác tiếp thị phát triển thị trường và xây dựng phương án đầu tư tái cấu trúc trước tình trạng đội tàu thô của PVT đã trở nên nhiều tuổi và kém cạnh tranh so với mặt bằng của các tàu thô dầu thô quốc tế.
- Trong năm 2019, Pacific tiếp tục triển khai mạnh mẽ công tác quản trị và quản lý tại đơn vị, trong đó đã tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như: công tác kiểm tra giám sát việc quản lý kỹ thuật tàu của PSM; công tác quản lý tiêu hao nhiên liệu của đội tài dầu thô PVT; công tác quản lý tài chính, quản lý công nợ khách hàng; kiểm tra, đánh giá xem xét việc tuân thủ áp dụng các quy chế, quy trình đã được ban hành và triển khai xây dựng các quy chế, quy trình quản lý còn thiếu, nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu quản lý doanh nghiệp..

3. Công tác lập báo cáo và tình hình tài chính

Ban kiểm soát tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019 của Pacific theo kế hoạch đề ra. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam đã được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Pacific phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019. Qua thẩm định, Ban kiểm soát thống nhất xác nhận kết quả

Báo cáo tài chính năm 2019 và đánh giá Báo cáo tài chính năm 2019 của Pacific được trình bày trung thực, hợp lý, phù hợp với các quy định hiện hành.

4. Công tác nhân sự, đào tạo

- Pacific tiếp tục chú trọng xây dựng lực lượng lao động có chuyên môn cao qua công tác tuyển dụng gắn liền sàng lọc theo tiêu chí “tinh gọn và hiệu quả” phù hợp với quy mô hiện tại và chuẩn bị cho giai đoạn mở rộng kinh doanh quốc tế.
- Nhìn chung tại Pacific hiện nay, đội ngũ nhân sự có chuyên môn và kinh nghiệm về quản lý khai thác, quản lý kỹ thuật tàu vẫn còn mỏng so với yêu cầu thực tế sản xuất kinh doanh. Pacific đã và đang tập trung vào công tác đào tạo và tuyển dụng nhất là đội ngũ cán bộ làm công tác kinh doanh khai thác tàu, xây dựng chính sách thu hút nhân tài hợp lý.

5. Công tác an sinh xã hội

Hiện nay, Pacific đang hoạt động cùng với tổ chức công đoàn và đoàn thanh niên của Cơ quan Tổng công ty PV Trans. Dưới sự lãnh đạo của Chi ủy, chính quyền và các tổ chức đoàn thể của Tổng công ty, Pacific đã hưởng ứng và tham gia tích cực các hoạt động về công tác an sinh, xã hội và hoạt động đoàn thể. Ngoài ra, Công ty cũng tiếp tục duy trì các chính sách phúc lợi cho CBCNV tại công ty, tổ chức chúc mừng tặng quà nhân các ngày lễ, ngày kỷ niệm, tổ chức thăm và tặng quà cho người lao động sinh con, hoặc nhân ngày sinh nhật của CBCNV Công ty; làm tốt công tác tuyên truyền, tiếp tục thực hiện công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phát động phong trào thi đua nhằm động viên tinh thần CBCNV chung sức, chung lòng vượt qua khó khăn góp phần vào việc hoàn thành tốt nhiệm vụ được Tổng công ty giao.

6. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

Năm 2019 với các yếu tố thuận lợi và khó khăn của thị trường, cùng với chỉ đạo sát sao và sự hỗ trợ kịp thời của Tổng công ty PV Trans và đặc biệt là sự nỗ lực, quyết tâm và đoàn kết nhất trí cao trong toàn thể Ban Lãnh đạo và CBCNV trong Công ty, Pacific đã hoàn thành nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã đề ra, cụ thể như sau:

- Doanh thu thực hiện năm 2019: 1.691 tỷ đồng, đạt 117% so với kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế năm 2019: 188,67 tỷ đồng, đạt 126% so với kế hoạch
- Lợi nhuận sau thuế năm 2019: 150,77 tỷ đồng, đạt 126% so với kế hoạch

III. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban giám đốc và các cán bộ quản lý

1. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị giám sát điều hành hoạt động của Ban điều hành trên cơ sở Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Quy chế hoạt động và phối

hợp giữa HĐQT và Giám đốc theo quy định của Điều lệ Công ty. Hội đồng Quản trị đã thực hiện chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ tốt cho Ban Giám đốc điều hành công tác sản xuất kinh doanh.

2. Hoạt động của Ban Giám đốc

Ban giám đốc điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, luôn chủ động đưa ra các giải pháp và đề xuất ý kiến với Hội đồng Quản trị về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT Công ty.

IV. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát và Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc

Hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty được quy định theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Pacific.

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty đã hỗ trợ và tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện chức năng của mình. Các ý kiến của Ban kiểm soát luôn được Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc phản hồi đầy đủ và kịp thời.

V. Nhận xét

- Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc Công ty đã tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động và Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT Pacific. Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc đã hết sức nỗ lực, quyết liệt trong việc thực hiện và hoàn thành một cách tốt nhất các chỉ tiêu mà Tổng Công ty, Đại hội đồng cổ đông giao.
- Tình hình thị trường vận tải thế giới vẫn còn khó khăn do chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố địa chính trị, đặc biệt tại khu vực Trung Đông, cũng như các yêu cầu ngày càng cao đối với công tác quản lý khai thác tàu. Thị trường trong nước suy giảm do sản lượng khai thác từ các mỏ dầu nội địa vào giai đoạn cuối chu kỳ khai thác tụt giảm nhanh. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo và sự nỗ lực của toàn thể CBCNV công ty, Pacific đã hoàn thành các chỉ tiêu và nhiệm vụ năm 2019 đề ra.
- Bên cạnh những kết quả đạt được, Pacific vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần nỗ lực khắc phục:
 - + Chưa mạnh dạn đầu tư trong thời điểm thị trường mua bán tàu thuận lợi nhất nên lỡ cơ hội đầu tư mua tàu VLCC với giá tốt nhất.
 - + Cần chủ động và mạnh dạn tìm kiếm thị trường mới và có giải pháp đột phá phát triển thêm dịch vụ mới trong sản xuất kinh doanh.
 - + Đẩy mạnh công tác tuyển dụng và đào tạo nhân sự có chuyên môn cao.
 - + Sớm bổ sung, sửa đổi các quy trình quy chế gắn với mô hình tổ chức hoạt động mới của Công ty.

VI. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020

- Giám sát các hoạt động quản lý và điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc; việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định, Quy chế của Công ty;
- Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, 6 tháng, hàng quý của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty;
- Giám sát việc chấp hành pháp luật về quản lý và sử dụng vốn; việc thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty; việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ;
- Giám sát việc đầu tư mua tàu VLCC để tham gia vận chuyển dầu thô cho nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn và mua tàu Aframax số 2 để khai thác trong nước và quốc tế.
- Tham dự một số cuộc họp quan trọng của Hội đồng quản trị Công ty và tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên Ban Kiểm soát với các bộ phận liên quan của Công ty trong việc thực hiện các công việc kiểm tra, giám sát để có những kiến nghị, đóng góp kịp thời nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;
- Các vấn đề khác.

Trên đây là Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Hà Hữu Anh

DỰ THẢO

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương

Căn cứ tình hình thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty, các thành viên Ban kiểm soát đã thảo luận, xem xét và đánh giá các Công ty kiểm toán được Bộ Tài Chính công nhận.

1. Tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có đầy đủ chức năng theo quy định;
- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, có uy tín, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán;
- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Đề xuất:

- Thông qua danh sách 3 Công ty kiểm toán độc lập để HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính của Công ty năm 2020, cụ thể như sau:
 - a. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
 - b. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
 - c. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
- Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn 1 trong 3 Công ty kiểm toán nêu trên thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính của Công ty trong năm 2020 theo quy định hiện hành.

Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TM BAN KIỂM SOÁT

Hà Hữu Anh

Dự thảo

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Thù lao, tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch năm 2020

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP VTĐK THÁI BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Điều lệ Công ty và Nghị quyết số 01/NQ-TBD-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2019 về việc phê duyệt dự toán thù lao HĐQT, BKS năm 2019, Hội đồng Quản trị báo cáo ĐHĐCĐ việc thực hiện thù lao, tiền lương, tiền thưởng HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch năm 2020 như sau:

1. Thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2019

- Đối với Thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách: Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đồng/tháng, ủy viên HĐQT: 2.000.000 đồng/người/tháng, trưởng ban kiểm soát: 1.500.000 đồng/tháng, thành viên BKS: 1.000.000 đồng/người/tháng. Tổng số tiền thù lao thực hiện năm 2019 của HĐQT và BKS không chuyên trách là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) đúng bằng kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Đối với Thành viên HĐQT, BKS chuyên trách và thành viên HĐQT là Giám đốc công ty: tiền lương, tiền thưởng được thực hiện đúng theo Quy chế trả lương, thưởng của Công ty.

2. Kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS năm 2020

Trên cơ sở nhân sự HĐQT, BKS năm 2020, căn cứ Quy chế trả lương trả thưởng của Công ty Pacific, kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2020 như sau:

- Đối với Thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách: Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đồng/tháng, ủy viên HĐQT: 2.000.000 đồng/người/tháng, trưởng ban kiểm soát: 1.500.000 đồng/tháng, thành viên BKS: 1.000.000 đồng/người/tháng. Tổng số tiền thù lao kế hoạch năm 2020 của HĐQT và BKS không chuyên trách dự kiến là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).
- Đối với Thành viên HĐQT, BKS chuyên trách và thành viên HĐQT là Giám đốc công ty: tiền lương, tiền thưởng được thực hiện theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.

Trân trọng kính trình.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Mai Thế Toàn

Dự thảo

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Ủy quyền ký kết các hợp đồng, giao dịch
giữa Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (Pacific)
với cổ đông sở hữu trên 10% số CP phổ thông của Pacific và người có liên quan

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP VTĐK THÁI BÌNH DƯƠNG**

Căn cứ quy định tại Điều 162 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và khoản 5 Điều 38 Điều lệ Công ty, các hợp đồng/giao dịch giữa Pacific với cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Pacific và các bên có quyền và lợi ích liên quan thì phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua.

Hiện nay, Pacific đã thực hiện đúng quy định phân cấp giữa ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt các giao dịch của Pacific và các bên có quyền và lợi ích liên quan tại khoản 5 Điều 38 Điều lệ Công ty.

Tuy nhiên, để dự phòng các tình huống phát sinh cho các giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, lúc này thực hiện xin ý kiến của ĐHĐCĐ sẽ mất rất nhiều thời gian, lãng phí và không đảm bảo tính linh hoạt và kịp thời trong điều hành hoạt động SXKD của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Các giao dịch phát sinh thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo khoản 5 Điều 38 Điều lệ Công ty, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Pacific với các bên liên quan đảm bảo quyền lợi của Pacific và tuân thủ quy định của pháp luật.

- Ủy quyền HĐQT thực hiện các thủ tục liên quan để triển khai các hợp đồng, giao dịch sau khi ký kết.

Việc ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua cho đến khi ĐHĐCĐ có Nghị quyết khác thay thế về vấn đề này.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Mai Thế Toàn

Dự thảo

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Bầu thay thế thành viên HĐQT

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP VTDK THÁI BÌNH DƯƠNG**

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc phê chuẩn việc HĐQT bầu thay thế thành viên HĐQT Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (Pacific) như sau:

Hội đồng Quản trị công ty Pacific nhiệm kỳ 2018-2023 gồm 05 thành viên do Đại hội đồng Cổ đông thường niên bầu ra/phê chuẩn như sau:

1. Ông Mai Thế Toàn – Chủ tịch HĐQT (kiêm nhiệm), đại diện phần vốn của Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans).
2. Ông Lê Mạnh Tuấn – Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm), đại diện phần vốn của Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans).
3. Ông Đoàn Đình Hiếu – Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm), đại diện phần vốn của Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans).
4. Ông Lê Mạnh Hùng – Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm), đại diện phần vốn của Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank (VCBS).
5. Ông Trương Minh Hùng – Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm), đại diện phần vốn của Công ty CP quản lý quỹ PVI (PVI AM).

Ngày 13/05/2020, Công ty Quản lý quỹ PVI có Công văn số 149/PVIAM-KĐT về việc đề nghị cử ông Trịnh Quốc Bình – Phó Giám đốc đầu tư của PVI AM làm người đại diện phần vốn của PVI AM tại Công ty Pacific (đại diện: 9.543.747 cổ phần, chiếm 10,12% vốn điều lệ Công ty) và giới thiệu với ĐHCĐ/HQĐT Công ty bầu ông Trịnh Quốc Bình tham gia và giữ chức Thành viên HĐQT kiêm nhiệm thay ông Trương Minh Hùng có Đơn xin từ nhiệm.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Dính kèm:

*Lý lịch trích ngang của
ông Trịnh Quốc Bình*

Mai Thế Toàn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2020

LÝ LỊCH CÁN BỘ TRÍCH NGANG

I - Thông tin cá nhân

Họ và tên : **TRINH QUỐC BÌNH** Giới tính: Nam, Quốc tịch: Việt Nam
Sinh ngày : 21/08/1982 tại Hà Nội
Trình độ : Thạc sỹ Tài chính
Ngoại ngữ : tiếng Anh

II- Tóm tắt quá trình công tác

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức vụ, đơn vị công tác
Từ 06/2004 đến 03/2007	Chuyên viên Phòng giao dịch Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
Từ 04/2007 đến 04/2011	Phó Phòng Tự doanh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
Từ 05/2011 đến 06/2012	Trưởng phòng Đầu tư Công ty CP Quản lý quỹ Thái Bình Dương
Từ 07/2012 đến 03/2015	Phó Giám đốc Công ty CP Quản lý quỹ Thái Bình Dương
Từ 04/2015 đến nay	Phó Giám đốc Khối Đầu tư Công ty CP Quản lý quỹ PVI

Dự thảo

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Bầu thay thế Thành viên Ban Kiểm soát

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CP VTDK THÁI BÌNH DƯƠNG

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc bầu thay thế thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương như sau:

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 hiện nay gồm 03 thành viên gồm:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh – Trưởng Ban Kiểm soát (kiêm nhiệm), người đại diện của Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans)

2. Bà Nguyễn Lan Hương – Thành viên Ban Kiểm soát (kiêm nhiệm), đại diện phần vốn của Công ty CP Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCB Capital).

3. Ông Hà Hữu Anh – Thành viên Ban Kiểm soát (kiêm nhiệm), người đại diện của của Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (thay thế ông Hồ Văn Bá theo Nghị quyết số 01/NQ-TBD-BKS ngày 30/09/2019 của Ban Kiểm soát).

Trong năm 2019 và 2020, Tổng Công ty PVTrans đề nghị thay đổi và giới thiệu người ứng cử vào Ban kiểm soát Công ty như sau:

- Giới thiệu **Ông Hà Hữu Anh** với Đại hội đồng cổ đông để ứng cử vào chức danh thành viên Ban kiểm soát (chế độ kiêm nhiệm) thay thế Ông Hồ Văn Bá (ngày 23/08/2019 Tổng Công ty PVTrans (cổ đông chiếm 64,9% vốn điều lệ Công ty) có công văn số 643/VTDK-TCNS giới thiệu và Ban kiểm soát Công ty đã tiến hành thủ tục họp lấy ý kiến các thành viên BKS để thông qua việc bầu ông Hà Hữu Anh làm Thành viên BKS thay ông Hồ Văn Bá theo Nghị quyết số 01/NQ-TBD-BKS ngày 30/09/2019).

- Giới thiệu **Bà Huỳnh Thị Hồng Hạnh** với Đại hội đồng cổ đông để bầu làm Trưởng Ban kiểm soát kiêm nhiệm thay cho Bà Nguyễn Thị Kim Oanh (Công văn số 246/VTDK-TCNS ngày 30/03/2020).

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua/ tiến hành bầu thay thế thành viên Ban kiểm soát công ty với các nội dung như trên.

Trân trọng./.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đính kèm:

- Lý lịch trích ngang của Bà Huỳnh Thị Hồng Hạnh
- Lý lịch trích ngang của Ông Hà Hữu Anh

Mai Thế Toàn

LÝ LỊCH CÁN BỘ TRÍCH NGANG

I - Thông tin cá nhân

Họ và tên : **HÀ HỮU ANH** Giới tính: Nam Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày : 16/06/1976 tại Phú Thọ

Trình độ : Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển

Ngoại ngữ : tiếng Anh

II- Tóm tắt quá trình công tác

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức vụ, đơn vị công tác
Từ 11/1999 đến 12/2007	Nhân viên, Tổ trưởng, Phó Phòng Thương mại – Công ty Dịch vụ Dầu khí (PTSC Marine)
Từ 01/2008 đến 3/2008	Phó Phòng Khai thác – Công ty CP Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping)
Từ 4/2008 đến 14/7/2016	Phó Phòng Khai thác Thương vụ, Trưởng Phòng Khai thác Thương vụ - Công ty CP Vận tải dầu Phương Đông Việt (PV Trans Oil)
Từ 14/7/2016 đến 07/8/2017	Phó Giám đốc Công ty CP Vận tải Nhật Việt (NVTrans Oil)
Từ 07/8/2017 đến nay	Trưởng Phòng Vận tải Hàng lỏng, Ban Kinh doanh – Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans)

LÝ LỊCH CÁN BỘ TRÍCH NGANG

I - Thông tin cá nhân

Họ và tên : **HUỲNH THỊ HỒNG HẠNH** Giới tính: Nữ Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày : 15/01/1988 tại Tp.HCM

Trình độ : Thạc sỹ Chính sách công – Cử nhân Tài chính Ngân hàng

Ngoại ngữ : tiếng Anh

II- Tóm tắt quá trình công tác

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức vụ, đơn vị công tác
Từ 7/2010 đến 9/2015	Chuyên viên phân tích tín dụng Doanh Nghiệp, Ngân hàng Á Châu, TP HCM
Từ 01/2017 đến 8/2017	Chuyên viên cao cấp Phân tích tín dụng Doanh Nghiệp, Ngân hàng Techcombank, TP HCM
Từ 9/2017 đến 5/2018	Giám Đốc Đầu Tư, Công Ty CP Quản Lý Đầu tư Khởi nghiệp Sáng tạo VN (ICM), TP HCM
Từ 5/2018 đến 11/2019	Trưởng phòng Thẩm định, Trụ sở chính SHB Lào, Thủ đô Viêng Chăn, Lào.
Từ 11/2019 đến nay	Trưởng phòng Tài chính, Ban Tài chính Kế Toán, Tổng Công Ty CP Vận Tải Dầu Khí

Tp, Hồ Chí Minh, ngày tháng 06 năm 2020

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ
tại Đại Hội đồng cổ đông Thường Niên năm 2020
Công ty CP VTDK Thái Bình Dương

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP VTDK THÁI BÌNH DƯƠNG

- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam Khóa 11 thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam Khóa 13 thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 về hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2016/NĐ-CP về quản trị Công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương.

Ban tổ chức Đại hội kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 xem xét thông qua thẻ lệ biểu quyết và bầu thay thế Thành viên HĐQT và Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2020-2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

PHẦN I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích.

Quy định này được xác lập nhằm quy định cụ thể các nguyên tắc và phương thức biểu quyết, bầu cử theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 2. Phạm vi áp dụng.

Quy định này chỉ áp dụng trong việc biểu quyết và bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020.

Điều 3. Định nghĩa.

- Biểu quyết: Là việc cổ đông thực hiện quyền cho ý kiến về các nội dung, vấn đề cụ thể để nhằm xác định các nội dung, vấn đề đó có đủ điều kiện được Đại hội thông qua;
- Bầu cử: Là việc cổ đông thực hiện quyền lựa chọn một hoặc một số ứng viên vào Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
- HĐQT: Hội đồng Quản trị;
- BKS: Ban Kiểm soát;
- KSV: Kiểm soát viên;
- Đại hội: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020;
- Công ty: Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương;

- Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Điều 4. Nguyên tắc và đối tượng thực hiện bầu cử/biểu quyết.

1. Nguyên tắc bầu cử/biểu quyết:

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Đại hội.

2. Đối tượng có quyền bầu cử/biểu quyết:

- Là các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết (theo danh sách chốt cổ đông để thực hiện quyền tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp) có mặt tại Đại hội và thực hiện đăng ký tham dự Đại hội một cách hợp lệ theo quy định do Công ty công bố.
- Phiếu bầu cử/biểu quyết được phát cho cổ đông tại bàn đăng ký.

PHẦN II: HƯỚNG DẪN BIỂU QUYẾT/BẦU CỬ

Điều 5. Phương thức biểu quyết.

- Cổ đông có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trường hợp cổ đông đến muộn, thì hiệu lực của những phiếu biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 6. Nguyên tắc biểu quyết.

- Quyền biểu quyết của cổ đông tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó.
- Việc biểu quyết các vấn đề tại Đại hội sẽ được thực hiện theo phương thức biểu quyết công khai, trực tiếp.
- Phiếu biểu quyết do Ban Tổ chức phát hành. Nội dung của phiếu biểu quyết bao gồm: các vấn đề cần được biểu quyết, tên cổ đông hoặc người được ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Phiếu biểu quyết sẽ bao gồm các nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua.
- Khi được phát phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện cổ đông phải kiểm tra thông tin, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết.
- Khi tiến hành biểu quyết, cổ đông/đại diện cổ đông có quyền quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến bằng cách đánh dấu (X) hoặc (V) vào ô tương ứng với lựa chọn của mình cho từng vấn đề cần biểu quyết trên phiếu biểu quyết.

Điều 7. Quy định về phiếu biểu quyết/bầu cử.

1. Phiếu hợp lệ:

Phiếu hợp lệ là phiếu đáp ứng đủ các tiêu chí sau:

- Do Ban tổ chức Đại hội phát ra có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương;

- Phiếu biểu quyết về những nội dung trong chương trình Đại hội đã được Đại hội thông qua;
- Phiếu bầu cho những người có tên trong danh sách bầu cử đã được Đại hội thông qua;
- Không bị rách, gạc, tẩy xóa, sửa chữa.

2. Phiếu không hợp lệ:

Phiếu không hợp lệ là phiếu vi phạm một trong số các điều kiện sau đây:

- Không do ban tổ chức phát hành, không đóng dấu của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương;
- Bị rách, gạc, tẩy xóa, sửa chữa, ghi thêm các nội dung không thuộc chương trình, ghi thêm tên ứng cử viên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu biểu quyết có ghi thêm ký hiệu đánh dấu khác dấu (X) hoặc (V) vào các ô biểu quyết; Ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu;
- Phiếu biểu quyết không đánh dấu lựa chọn bất kỳ ô nào trên phiếu;
- Phiếu biểu quyết đánh dấu lựa chọn hơn 1 ô đối với 1 vấn đề biểu quyết;
- Có tổng số phiếu bầu cho những ứng viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó được quyền bầu đã ghi sẵn trên phiếu;
- Bầu cho tổng số ứng cử viên vượt quá số lượng thành viên HĐQT và KSV đã được Đại hội thông qua;
- Nộp cho Ban Kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu đã được niêm phong.

Các phiếu không hợp lệ sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết/bầu cử của Đại hội.

3. Cách ghi phiếu bầu cử:

- Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó;
- Nếu không bầu cho ứng cử viên nào, cổ đông điền số “0” hoặc bỏ trống cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó;
- Cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông dự họp có thể dồn phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc không bầu cho ứng cử viên nào;
- Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi phiếu bầu cử bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào hòm phiếu, thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng Ban Kiểm phiếu để đổi lại phiếu bầu nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

Điều 8. Số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện đề cử, ứng cử thành viên HĐQT.

1. Số lượng thành viên HĐQT:

Số lượng thành viên HĐQT được bầu tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 là **một (01)** người.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của ứng cử viên thành viên HĐQT:

Ứng cử viên thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện để trở thành thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của công ty khác;
- Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.
- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

3. Điều kiện đề cử, ứng cử HĐQT:

Các cổ đông hoặc nhóm các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến ngày chốt danh sách tổ chức Đại hội có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử, ứng cử các ứng cử viên HĐQT và phải gửi hồ sơ đề cử, ứng cử về Ban tổ chức Đại hội chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày tổ chức Đại hội theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Điều lệ Công ty.

Việc đề cử, ứng cử ứng viên HĐQT được quy định như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ **từ 10% đến dưới 20%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử **một** (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ **từ 20% đến dưới 30%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa **hai** (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ **từ 30% đến dưới 40%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa **ba** (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ **từ 40% đến dưới 50%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa **bốn** (04) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ **từ 50% đến dưới 60%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa **năm** (05) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ **từ 60% đến dưới 70%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa **sáu** (06) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ **từ 70% đến dưới 80%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa **bảy** (07) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ **từ 80% đến dưới 90%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa **tám** (08) ứng viên.

Trường hợp đến hết thời điểm gửi hồ sơ theo quy định (03 ngày làm việc trước ngày tổ chức Đại hội) các ứng viên HĐQT thông qua đề cử, ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có quyền đề cử thêm ứng cử viên HĐQT cho đến khi đủ số lượng. Các ứng viên được HĐQT đương nhiệm đề cử phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT theo quy định của Quy chế này đồng thời phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 9. Số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện đề cử, ứng cử KSV.

1. Số lượng KSV:

Số lượng Thành viên BKS được bầu tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 là **hai (02)** người.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của ứng cử viên KSV:

Ứng cử viên KSV phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện để trở thành KSV theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định;
- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
- Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

3. Điều kiện đề cử, ứng cử KSV:

Các cổ đông hoặc nhóm các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến ngày chốt danh sách tổ chức Đại hội có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên KSV và phải gửi hồ sơ đề cử, ứng cử về Ban tổ chức Đại hội chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tổ chức Đại hội theo quy định tại Khoản 2 Điều 34 Điều lệ Công ty.

Việc đề cử, ứng cử KSV được quy định như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ **từ 10% đến dưới 20%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử **một (01)** ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ **từ 20% đến dưới 30%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa **hai (02)** ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ **từ 30% đến dưới 40%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa **ba (03)** ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ **từ 40% đến dưới 50%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa **bốn (04)** ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ **từ 50% đến dưới 60%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa **năm (05)** ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ **từ 60% đến dưới 70%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa **sáu (06)** ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ **từ 70% đến dưới 80%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa **bảy (07)** ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ **từ 80% đến dưới 90%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa **tám (08)** ứng viên.

Trường hợp đến hết thời điểm gửi hồ sơ theo quy định (03 ngày làm việc trước ngày tổ chức Đại hội) các ứng viên KSV thông qua đề cử, ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có quyền đề cử thêm ứng cử viên KSV cho đến khi đủ số lượng. Các

ứng viên được BKS đương nhiệm đề cử phải đáp ứng các tiêu chuẩn KSV theo quy định của Quy chế này đồng thời phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 10. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử.

Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử bao gồm:

- Đơn đề cử, ứng cử tham gia Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu có dán ảnh);
- Bản sao có công chứng CMND/Hộ chiếu, Hộ khẩu thường trú và các văn bằng, chứng chỉ chứng nhận trình độ học vấn và trình độ chuyên môn;
- Giấy ủy quyền đề cử hợp lệ (trong trường hợp được cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử);
- Giấy xác nhận số cổ phần mà cổ đông (nếu tự ứng cử) hoặc nhóm cổ đông (nếu đề cử) sở hữu liên tục trong 06 tháng gần nhất do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam xác nhận (tính đến ngày chốt danh sách thực hiện tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty);
- Các giấy tờ có liên quan khác (nếu có).

Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử phải được gửi về Ban Tổ chức Đại hội **trước 12h00 ngày 24/6/2020** theo địa chỉ sau đây:

- Ban Tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương;
- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- Điện thoại: (84.28) 38228546;
- Email: pacific@pvtrans.com hoặc ngoccm@pvtrans.com và thanhtc@pvtrans.com

Chỉ những hồ sơ đề cử, ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT, KSV mới được đưa vào danh sách ứng cử viên để thực hiện bầu cử.

Các biểu mẫu đính kèm Quy chế này bao gồm:

- Mẫu 1: Mẫu văn bản cổ đông tự ứng cử vào thành viên HĐQT, BKS;
- Mẫu 2: Mẫu văn bản cổ đông và/hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên vào HĐQT, BKS;
- Mẫu 3: Mẫu sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai.

Điều 11. Phương thức bầu cử.

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và KSV được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu trực tiếp tại Đại hội.

Mỗi cổ đông hoặc đại diện ủy quyền tham dự họp được cấp một (01) tờ phiếu bầu cử HĐQT và một (01) tờ phiếu bầu cử BKS (có ghi sẵn tổng số phiếu bầu của từng cổ đông), trong đó:

- Tổng số phiếu bầu thành viên HĐQT tương ứng bằng tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện nhân với số lượng thành viên HĐQT được bầu;

- Tổng số phiếu bầu KSV tương ứng bằng tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện nhân với số lượng KSV được bầu.

Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp bầu chọn ứng cử viên nào thì ghi số phiếu bầu tương ứng với tên ứng cử viên đó. Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền dự họp phải ghi rõ số phiếu bầu cho ứng cử viên mình bầu chọn.

Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình để bầu cho một (01) ứng cử viên hoặc chia số cổ phiếu bầu cho các ứng viên được lựa chọn.

Khi tiến hành bầu cử, cổ đông tự điền vào phiếu bầu cử của mình số quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên mà mình tin nhiệm sao cho tổng số phiếu bầu đã điền cho các ứng cử viên phải bằng hoặc không lớn hơn tổng số phiếu bầu của cổ đông có.

Ví dụ:

Cổ đông sở hữu 100 cổ phần của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương và ĐHĐCĐ bầu ra 01 thành viên HĐQT, 2 KSV;

Cổ đông sẽ được phát 2 phiếu bầu riêng biệt:

a. Đối với bầu thành viên HĐQT:

Cổ đông sẽ có: $100 (CP) \times 1 (TV HĐQT được bầu) = 100$ phiếu bầu (Công ty sẽ ghi sẵn số cổ phần sở hữu của cổ đông nhân với số lượng thành viên HĐQT được bầu);

Cổ đông có thể dồn hết 100 phiếu bầu cử trên cho một (01) ứng cử viên hoặc có thể bầu với một số lượng phiếu bầu khác nhưng tối đa không quá 100 CP.

b. Đối với bầu KSV:

Cổ đông sẽ có: $100 (CP) \times 2 (KSV được bầu) = 200$ phiếu bầu (Công ty sẽ ghi sẵn số cổ phần sở hữu của cổ đông nhân với số lượng KSV được bầu);

Cổ đông có thể dồn hết 200 phiếu bầu cử trên cho một (01) ứng cử viên hoặc chia 200 phiếu bầu cho các ứng cử viên (nhưng số ứng cử viên được chia phiếu bầu phải nhỏ hơn hoặc bằng 02) sao cho tổng số phiếu bầu bằng hoặc nhỏ hơn 200.

Trường hợp có sự ghi nhầm, cổ đông vui lòng liên hệ với Ban kiểm phiếu bầu cử để xin cấp lại phiếu bầu cử mới với điều kiện phải nộp lại phiếu bầu cũ.

Phiếu bầu cử được bỏ vào thùng phiếu đã niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.

Điều 12. Nội dung biểu quyết được thông qua.

Các nội dung biểu quyết được thông qua khi số cổ phần đồng ý trên số cổ phiếu biểu quyết hợp lệ thu về đảm bảo tỷ lệ theo quy định của Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương.

Điều 13: Nguyên tắc trúng cử Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát.

Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc KSV được xác định theo số phiếu bầu hợp lệ tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Quy chế này.

Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc KSV thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau, người trúng cử là người có số phiếu bầu lại cao hơn.

Nếu bầu cử không chọn được đủ số thành viên HĐQT và/hoặc KSV thì Đại hội sẽ tiến hành bầu cử tiếp lần 2 trong số những ứng cử viên còn lại. Nếu sau khi bầu lần 2 vẫn chưa đủ thì việc còn tiếp tục bầu nữa hay không do Đại hội và Chủ tịch đoàn quyết định.

PHẦN III: KIỂM PHIẾU VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ

Điều 14: Ban kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu.

1. Ban Kiểm phiếu:

- Việc kiểm phiếu sẽ được thực hiện thông qua Ban Kiểm phiếu. Ban Tổ chức Đại hội sẽ chuẩn bị và đề xuất với ĐHDCĐ một Ban Kiểm phiếu để chịu trách nhiệm: Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội; Giới thiệu và phát phiếu bầu, hướng dẫn và giải đáp thắc mắc trong quá trình bầu cử/biểu quyết; Tiến hành kiểm phiếu; Công bố kết quả bầu cử/biểu quyết trước Đại hội. Ban Kiểm phiếu này sẽ được các cổ đông tham dự Đại hội thông qua tại Đại hội theo hình thức biểu quyết công khai.
- Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào HĐQT hoặc KSV.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu:

- Trước khi bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra tình trạng hòm phiếu trước sự chứng kiến của cổ đông.
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có thông báo của đại diện Ban Kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu cử/biểu quyết vào hòm phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm thông báo tùy thuộc vào sự việc nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được Ban Kiểm phiếu niêm phong.

3. Quy định về kiểm phiếu:

Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu theo quy định như sau:

- Ban Kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng làm việc/khu vực riêng;
- Ban Kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;
- Kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu bầu cử/biểu quyết;
- Kiểm tra lần lượt từng phiếu bầu cử/biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu;
- Niêm phong toàn bộ các phiếu bầu cử/biểu quyết và bàn giao lại cho Chủ tọa.

Điều 15: Lập và công bố biên bản kiểm phiếu.

Sau khi kiểm phiếu xong, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả bầu cử/biểu quyết và lập thành Biên bản Kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu sẽ được các thành viên của Ban Kiểm phiếu ký để xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

Nội dung Biên bản Kiểm phiếu phải ghi rõ các nội dung: Thành phần Ban Kiểm phiếu; thời gian, địa điểm tiến hành kiểm phiếu, danh sách đề cử; tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; Tổng số cổ phần có quyền bầu cử/biểu quyết có mặt tại Đại hội; Tổng số phiếu phát ra; tổng số phiếu thu về; Tổng số phiếu không hợp lệ; Tổng số phiếu hợp lệ; Tổng số phiếu đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến và tỷ lệ biểu quyết cho tương ứng với từng nội dung biểu quyết ; Số cổ phần biểu quyết cho từng ứng viên vào HĐQT và BKS, Danh sách trúng cử ; chữ ký của thành viên Ban Kiểm phiếu.

Toàn văn Biên bản Kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội. Trưởng Ban Kiểm phiếu có thể thay mặt Chủ tọa công bố kết quả bầu cử/biểu quyết.

PHẦN IV: KHIẾU NẠI VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 17: Khiếu nại

Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử/biểu quyết được xem xét ngay tại Đại hội. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử/biểu quyết hoặc kết quả bầu cử/biểu quyết Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

Điều 18: Hiệu lực thi hành.

Thế lệ biểu quyết và bầu cử này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Phụ lục I:
Mẫu 1: Văn bản ứng cử thành viên Hội đồng quản trị/Kiểm soát viên
(Đính kèm Quy chế bầu cử)

CÔNG TY CP VTK THÁI BÌNH DƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng ... năm 2020

VĂN BẢN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
(PVTRANS PACIFIC)

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020

Tôi tên là:.....

Mã cổ đông:

Ngày sinh:Nơi sinh:

Địa chỉ thường trú:

Số CNMD/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân:.....Ngày cấp.....
tại.....

Trình độ học vấn:Chuyên ngành:

Số cổ phần sở hữu liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng cho đến thời điểm hiện tại.....cổ phần, tương ứng.....% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (“**Công ty**”).

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ Công ty, tôi tự ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị/Kiểm soát viên Công ty.

Tôi xin cam đoan mình có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị/Kiểm soát viên theo quy định của Điều lệ và Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới 2020 - 2025 tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn.

ỨNG CỬ VIÊN

Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu có dán ảnh);
2. Bản sao có công chứng CMND/Hộ chiếu, Hộ khẩu thường trú và các văn bằng, chứng chỉ chứng nhận trình độ học vấn và trình độ chuyên môn;
3. Giấy xác nhận số cổ phần mà cổ đông (nếu tự ứng cử) hoặc cổ đông, nhóm cổ đông (nếu đề cử) sở hữu liên tục trong 06 tháng gần nhất do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam xác nhận (tính đến ngày chốt danh sách thực hiện tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty);
4. Các giấy tờ có liên quan khác (nếu có).

Phụ lục II:

**Mẫu 2: Văn bản đề cử thành viên Hội đồng quản trị/Kiểm soát viên
(Đính kèm Quy chế bầu cử)**

**CÔNG TY CP VTDK THÁI BÌNH DƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng ... năm 2020

**VĂN BẢN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
(PVTRANS PACIFIC)**

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020

Chúng tôi là Cổ đông/Nhóm cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương gồm:

Stt	Họ và tên cổ đông	Số CMND/Hộ chiếu, Ngày cấp, Nơi cấp	Số cổ phần sở hữu	Số cổ phần sở hữu trong thời gian 06 (sáu) tháng liên tục	Tỷ lệ % số CP có quyền biểu quyết	Chữ ký
1						
2						

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Công ty chúng tôi trân trọng đề cử:

1/Ông/bà:

Ngày sinh: Nơi sinh:

Địa chỉ thường trú:

Số CNMD/Hộ chiếu: Ngày cấp: tại:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Làm ứng cử viên cho vị trí thành viên Hội đồng Quản trị/Kiểm soát viên của Công ty.

2/Ông/bà: [ghi các thông tin tương tự như trên]

Chúng tôi xin cam đoan các ứng viên có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị/Kiểm soát viên theo quy định của Điều lệ và Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới 2020-2025 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu có dán ảnh);
2. Bản sao có công chứng CMND/Hộ chiếu, Hộ khẩu thường trú và các văn bằng, chứng chỉ chứng nhận trình độ học vấn và trình độ chuyên môn;
3. Giấy xác nhận số cổ phần mà cổ đông (nếu tự ứng cử) hoặc cổ đông, nhóm cổ đông (nếu đề cử) sở hữu liên tục trong 06 tháng gần nhất do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam xác nhận (tính đến ngày chốt danh sách thực hiện tham dự và biểu quyết tại ĐHDCĐ thường niên năm 2020 của Công ty);
4. Các giấy tờ có liên quan khác (nếu có).

Phụ lục III:
Mẫu 3: Mẫu sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai
(Đính kèm Quy chế bầu cử)

Ảnh hộ chiếu
(ảnh 4x6, chụp trong
vòng 06 tháng gần
đây, có đóng dấu
giáp lai của cơ quan
xác nhận lý lịch)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

- Họ và tên khai sinh:.....
- Họ và tên thường gọi:..... - Bí danh:
- Ngày tháng năm sinh:
- Nơi sinh:
- Quốc tịch (các quốc tịch hiện có):.....
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
- Địa chỉ theo chứng minh nhân dân:.....
- Địa chỉ cư trú hiện nay:
- CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước số: cấp ngày: .../.../..... tại:.....
- Tên pháp nhân (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông pháp nhân):
 - + Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp của pháp nhân số:..... Ngày cấp:
 - + Địa chỉ pháp nhân:.....
 - + Tỷ lệ vốn góp được đại diện: (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông hoặc thành viên góp vốn là pháp nhân):.....

2. Trình độ (Giáo dục phổ thông, các học hàm, học vị: liệt kê đầy đủ các bằng cấp, chương trình đào tạo, nêu rõ tên, địa chỉ trường, chuyên ngành học, thời gian học, bằng cấp)

Thời gian học	Tên trường	Địa chỉ trường	Chương trình học	Bằng cấp
...

3. Quá trình công tác

3.1. Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính (đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).

Thời gian	Nơi công tác, nghề nghiệp, chức vụ
...	...

3.2 Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại các doanh nghiệp khác.

Tên tổ chức	Chức vụ hiện tại
...	...

3.3. Khen thưởng, kỷ luật (nếu có)

4. Quan hệ gia đình: Mọi quan hệ gia đình: Bố, mẹ, vợ/chồng, con, anh, chị, em ruột và vợ chồng của những người này (ghi rõ họ tên, quan hệ, năm sinh, quê quán, nghề nghiệp, chức vụ, đơn vị công tác, nơi ở hiện nay)

Stt	Họ tên	Mối quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Nghề nghiệp/ chức vụ	Nơi làm việc
...

5. Cam kết trước pháp luật

- Tôi,.....cam kết sẽ không vi phạm các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Tôi,cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật đối với toàn bộ thông tin tại bản khai này.

Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn hoặc xác nhận của Người đại diện theo pháp luật của tổ chức đề cử về việc người khai đại diện cho tổ chức đó hoặc chứng thực chữ ký của người khai

....., ngàytháng.....năm 2020

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)